

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8523 /TB-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc công bố danh sách trúng tuyển kỳ thi
tuyển sinh Sau đại học năm 2022

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch công bố danh sách trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Sau đại học năm 2022, bao gồm các đối tượng:

- Chuyên khoa cấp 1: 22 chuyên ngành với 600 thí sinh
- Chuyên khoa cấp 2: 18 chuyên ngành với 179 thí sinh
- Bác sĩ nội trú: 10 chuyên ngành với 120 thí sinh
- Thạc sĩ: 11 chuyên ngành với 127 thí sinh

(đính kèm danh sách)./.

Nơi nhận:

- Thí sinh trúng tuyển SĐH 2022;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, P. QLĐTSDH (YN_03b).

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP 1 NĂM 2022
*(Ban hành kèm Thông báo 8523/TB-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 11 năm 2022
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH					
		76					
1	1	22.01.01.0001	Nguyễn Thị Thùy Anh	Nữ	19/10/1990	Sông Bé	
2	2	22.01.01.0002	Vũ Thị Lan Anh	Nữ	16/01/1995	Tỉnh Kiên Giang	
3	3	22.01.01.0005	Nguyễn Duy Anh	Nam	12/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
4	4	22.01.01.0008	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	Nữ	20/09/1994	Tỉnh Gia Lai	
5	5	22.01.01.0009	Trương Thị Hoài Dung	Nữ	07/03/1994	Tỉnh Quảng Bình	
6	6	22.01.01.0011	Huỳnh Võ Ý Duyên	Nữ	20/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	22.01.01.0014	Nguyễn Tiến Phát Đạt	Nam	16/09/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	
8	8	22.01.01.0017	Nguyễn Trung Đức	Nam	24/08/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
9	9	22.01.01.0018	Nguyễn Mậu Châu Giang	Nam	30/10/1988	Tỉnh Thanh Hóa	
10	10	22.01.01.0019	Trương Văn Giang	Nam	25/03/1994	Tỉnh Bạc Liêu	
11	11	22.01.01.0020	Bùi Thị Ngân Hà	Nữ	07/03/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
12	12	22.01.01.0021	Nguyễn Thị Tuyết Hà	Nữ	27/01/1995	Tỉnh Bình Định	
13	13	22.01.01.0023	Mai Thị Khánh Hạ	Nữ	04/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
14	14	22.01.01.0024	Võ Hoàng Mỹ Hạnh	Nữ	12/01/1991	Bến Tre	
15	15	22.01.01.0025	Dương Hồng Hạnh	Nữ	07/03/1993	Tỉnh Nghệ An	
16	16	22.01.01.0026	Nguyễn Quang Hiền	Nam	27/09/1983	Thành phố Cần Thơ	
17	17	22.01.01.0027	Võ Thị Hiền	Nữ	25/09/1992	Tỉnh Ninh Thuận	
18	18	22.01.01.0028	Vì Thị Hồng	Nữ	22/11/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
19	19	22.01.01.0029	Nguyễn Trần Huân	Nam	28/10/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
20	20	22.01.01.0030	Phạm Quang Huy	Nam	09/10/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
21	21	22.01.01.0031	Đỗ Quang Huy	Nam	01/05/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
22	22	22.01.01.0032	Vũ Phan Thanh Huyền	Nữ	01/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
23	23	22.01.01.0034	Đinh Viết Hùng	Nam	25/03/1981	Tỉnh Nghệ An	
24	24	22.01.01.0035	Nguyễn Minh Hưng	Nam	18/01/1993	Tỉnh Quảng Trị	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
25	25	22.01.01.0038	Trương Công	Hường	Nam	10/09/1989	Tỉnh Nghệ An	
26	26	22.01.01.0039	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	Nữ	15/05/1988	Tỉnh Tiền Giang	
27	27	22.01.01.0042	Trương Mẫn	Kỳ	Nữ	02/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
28	28	22.01.01.0043	Trương Hải	Lam	Nữ	17/10/1992	Tỉnh Bình Dương	
29	29	22.01.01.0044	Ngô Thị Bích	Lan	Nữ	20/02/1990	Tỉnh Khánh Hòa	
30	30	22.01.01.0045	Trần Thị	Lài	Nữ	02/09/1995	Tỉnh Nghệ An	
31	31	22.01.01.0046	Nguyễn Thị Ngọc	Lâm	Nữ	15/11/1989	Tỉnh Vĩnh Phú	
32	32	22.01.01.0047	Huỳnh Thị Hồng	Lệ	Nữ	16/11/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
33	33	22.01.01.0048	Lê Ngọc Bích	Liên	Nữ	18/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
34	34	22.01.01.0049	Danh Kim	Linh	Nữ	10/10/1994	Tỉnh Bạc Liêu	
35	35	22.01.01.0050	Nguyễn Thị Kiều	Loan	Nữ	15/01/1991	Tỉnh Vĩnh Long	
36	36	22.01.01.0051	Phan Nguyễn Thành	Long	Nam	10/10/1984	Tỉnh Thái Nguyên	
37	37	22.01.01.0052	Lê Nguyễn Thanh	Long	Nam	11/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
38	38	22.01.01.0053	Nguyễn Thành	Lộc	Nam	04/02/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
39	39	22.01.01.0055	Bùi Công	Luân	Nam	05/05/1995	Tỉnh Bình Định	
40	40	22.01.01.0056	Lô Thị	Ly	Nữ	15/10/1995	Tỉnh Nghệ An	
41	41	22.01.01.0057	Lê Thị	Mai	Nữ	22/06/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
42	42	22.01.01.0060	Đinh Ngọc	Nam	Nam	20/08/1993	Tỉnh Phú Thọ	
43	43	22.01.01.0062	Lê Đỗ Minh	Ngọc	Nữ	20/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
44	44	22.01.01.0063	Đào Thị	Nguyệt	Nữ	29/09/1987	Hà Bắc	
45	45	22.01.01.0065	Lê Đặng Yên	Nhi	Nữ	12/07/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
46	46	22.01.01.0066	Bùi Thị Ý	Nhi	Nữ	10/01/1994	Tỉnh Ninh Thuận	
47	47	22.01.01.0067	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	48	22.01.01.0068	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	07/05/1993	Tỉnh Quảng Bình	
49	49	22.01.01.0069	Lư Thị Ngọc	Nữ	Nữ	08/02/1995	Tỉnh Quảng Nam	
50	50	22.01.01.0074	Lý Văn	Quốc	Nam	15/12/1993	Tỉnh Quảng Trị	
51	51	22.01.01.0075	Đỗ Thị Quyên	Quyên	Nữ	02/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
52	52	22.01.01.0076	Hồ Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	29/03/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
53	53	22.01.01.0079	Lê Thị Phương	Sum	Nữ	12/02/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
54	54	22.01.01.0080	Trương Đức	Tài	Nam	04/06/1988	Tỉnh Bình Phước	
55	55	22.01.01.0081	Đỗ Thy Thanh	Thanh	Nữ	04/10/1992	Tỉnh Bình Thuận	
56	56	22.01.01.0083	Đặng Quốc	Thái	Nam	30/06/1989	Tỉnh Long An	
57	57	22.01.01.0084	Trương Quang	Thái	Nam	03/02/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
58	58	22.01.01.0088	Nguyễn Hiếu	Thuận	Nam	27/06/1991	Bình Phước	
59	59	22.01.01.0089	Trương Phương	Thúy	Nữ	19/12/1995	Tỉnh Quảng Nam	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
60	60	22.01.01.0090	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	01/09/1993	Tỉnh Phú Yên	
61	61	22.01.01.0091	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	15/12/1993	Tỉnh Bình Thuận	
62	62	22.01.01.0092	Lê Xuân	Tiếp	Nam	28/06/1984	Tỉnh Hà Tĩnh	
63	63	22.01.01.0094	Trần Lê	Trang	Nữ	26/09/1993	Tỉnh Hà Giang	
64	64	22.01.01.0095	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	03/02/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
65	65	22.01.01.0096	Trần Thị Diễm	Trinh	Nữ	02/04/1994	Tỉnh Long An	
66	66	22.01.01.0097	Trần Thị	Trinh	Nữ	19/08/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
67	67	22.01.01.0098	Nguyễn Thành	Trung	Nam	16/09/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
68	68	22.01.01.0099	Lê Văn	Tuấn	Nam	19/08/1989	Tỉnh Đắk Lắk	
69	69	22.01.01.0100	Hoàng	Tuấn	Nam	28/08/1994	Tỉnh Sóc Trăng	
70	70	22.01.01.0101	Phạm Thanh	Tùng	Nam	21/11/1989	Tỉnh Bình Định	
71	71	22.01.01.0102	Nguyễn Thị Bích	Vân	Nữ	06/02/1982	Tỉnh Quảng Ngãi	
72	72	22.01.01.0103	Hồ Thị Tường	Vi	Nữ	12/10/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
73	73	22.01.01.0106	Mai Lê Linh	Xuân	Nữ	05/06/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
74	74	22.01.01.0107	Châu Huỳnh Mai	Xuân	Nữ	13/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
75	75	22.01.01.0108	Trần Thị Thanh	Xuân	Nữ	04/01/1995	Tỉnh Tiền Giang	
76	76	22.01.01.0109	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	25/04/1993	Tỉnh Bạc Liêu	
		NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH 36						
77	1	22.01.02.0111	Phạm Ngọc	Anh	Nam	30/07/1993	Tỉnh Đồng Nai	
78	2	22.01.02.0112	Nguyễn Duy	Anh	Nam	27/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
79	3	22.01.02.0114	Nguyễn Đức	Anh	Nam	11/04/1982	Tỉnh Quảng Bình	
80	4	22.01.02.0117	Hoàng Thanh	Bình	Nam	30/03/1994	Tỉnh Kon Tum	
81	5	22.01.02.0119	Phan Đình	Chung	Nam	09/05/1994	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
82	6	22.01.02.0120	Trần Huỳnh	Duy	Nam	21/01/1995	Tỉnh Tây Ninh	
83	7	22.01.02.0121	Hồ Tuấn	Dũng	Nam	27/04/1994	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
84	8	22.01.02.0122	Đàm Thanh	Dương	Nam	05/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
85	9	22.01.02.0123	Trần Minh	Dương	Nam	06/03/1993	Tỉnh Đồng Nai	
86	10	22.01.02.0125	Nông Ngọc	Hải	Nam	17/10/1991	Thành phố Hà Nội	
87	11	22.01.02.0127	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	23/08/1980	Tỉnh Khánh Hòa	
88	12	22.01.02.0128	Võ Nguyễn Việt	Hải	Nam	19/01/1994	Tỉnh Bình Định	
89	13	22.01.02.0129	Nguyễn Đăng	Hiệp	Nam	05/02/1993	Tỉnh Bắc Ninh	
90	14	22.01.02.0130	Phan Trọng	Hoàng	Nam	23/05/1994	Tỉnh Nghệ An	
91	15	22.01.02.0131	Huỳnh Minh	Học	Nam	11/07/1990	Tỉnh Bạc Liêu	
92	16	22.01.02.0132	Nguyễn Duy	Huân	Nam	17/05/1991	Tỉnh Hà Bắc	
93	17	22.01.02.0133	Đặng Văn	Huy	Nam	03/12/1994	Tỉnh Nghệ An	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
94	18	22.01.02.0135	Đinh Gia	Khánh	Nam	30/11/1990	Tỉnh Hải Hưng	
95	19	22.01.02.0136	Huỳnh Thanh	Lâm	Nam	22/12/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
96	20	22.01.02.0137	Trần Đình	Lâm	Nam	02/09/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
97	21	22.01.02.0138	Lê Nhật	Linh	Nam	04/02/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
98	22	22.01.02.0139	Nguyễn Dy	Lưu	Nam	16/11/1993	Tỉnh Bến Tre	
99	23	22.01.02.0140	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	20/09/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	24	22.01.02.0141	Lê Đức	Mạnh	Nam	22/11/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
101	25	22.01.02.0143	Hà Văn	Ngoan	Nam	20/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
102	26	22.01.02.0145	Nguyễn Duy	Nhật	Nam	11/01/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
103	27	22.01.02.0146	Nguyễn Trung	Phát	Nam	16/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
104	28	22.01.02.0147	Nguyễn Nam	Phi	Nam	00/00/1989	Tỉnh Long An	
105	29	22.01.02.0149	Tạ Đức	Phúc	Nam	21/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
106	30	22.01.02.0150	Nguyễn Trần Hoàng	Phụng	Nam	09/12/1993	Tỉnh An Giang	
107	31	22.01.02.0151	Danh Hoàng	Phương	Nam	27/11/1992	Tỉnh Tiền Giang	
108	32	22.01.02.0152	Nguyễn Hồ	Phương	Nam	01/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
109	33	22.01.02.0156	Lê Công	Thiện	Nam	10/09/1994	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
110	34	22.01.02.0159	Hoàng Minh	Tiến	Nam	07/04/1987	Tỉnh Thanh Hóa	
111	35	22.01.02.0160	Nguyễn Văn	Trình	Nam	27/10/1992	Tỉnh Đắk Nông	
112	36	22.01.02.0162	Ngô Võ Hoàng	Văn	Nam	14/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: DA LIỄU				38		
113	1	22.01.03.0164	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	14/12/1984	Tỉnh Bình Phước	
114	2	22.01.03.0165	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	13/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	
115	3	22.01.03.0170	Mai Xuân	Bắc	Nam	20/10/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
116	4	22.01.03.0178	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	15/06/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
117	5	22.01.03.0181	Phạm Quang	Đạt	Nam	02/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
118	6	22.01.03.0185	Is Ma	Êl	Nam	27/08/1991	Tỉnh An Giang	
119	7	22.01.03.0186	Hồ Vũ Hoàng	Gia	Nam	19/07/1994	Tỉnh Quảng Nam	
120	8	22.01.03.0196	Lê Lam	Hiền	Nữ	02/02/1995	Tỉnh Quảng Trị	
121	9	22.01.03.0199	Lê Trung	Hòa	Nam	22/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
122	10	22.01.03.0207	Lê Thị Minh	Hương	Nữ	31/01/1991	Tỉnh Tiền Giang	
123	11	22.01.03.0210	Quách Thị Minh	Hương	Nữ	01/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
124	12	22.01.03.0215	Ngô Văn Phúc	Lâm	Nam	19/02/1995	Tỉnh Quảng Nam	
125	13	22.01.03.0216	Huỳnh Ngọc Trúc	Lâm	Nữ	21/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
126	14	22.01.03.0222	Trần Ngọc Khánh	Linh	Nữ	29/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
127	15	22.01.03.0229	Lê Ngô Hà	My	Nữ	01/06/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
128	16	22.01.03.0232	Nguyễn Vũ Ty	Na	Nữ	24/11/1994	Tỉnh Quảng Nam	
129	17	22.01.03.0235	Đàm Thị Phương	Nga	Nữ	17/11/1991	Tỉnh Cao Bằng	
130	18	22.01.03.0240	Lê Thanh	Nhàn	Nữ	06/03/1992	Tỉnh Bến Tre	
131	19	22.01.03.0241	Trương Thị Thùy	Nhâm	Nữ	06/12/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
132	20	22.01.03.0244	Đinh Thị Bích	Nhi	Nữ	24/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
133	21	22.01.03.0248	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/10/1990	Hà Tây	
134	22	22.01.03.0251	Mai Thị Kim	Oanh	Nữ	22/03/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
135	23	22.01.03.0254	Phan Vũ Lam	Phương	Nữ	11/04/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
136	24	22.01.03.0256	Chu Thoại	Phương	Nữ	02/10/1988	Tỉnh Kiên Giang	
137	25	22.01.03.0257	Trần Quốc	Quang	Nam	13/07/1982	Tỉnh Đồng Nai	
138	26	22.01.03.0262	Hoàng Thị Phương	Quý	Nữ	17/10/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
139	27	22.01.03.0272	Ngân Thị	Thêm	Nữ	29/08/1989	Tỉnh Bắc Thái	
140	28	22.01.03.0273	Lê Kiều	Thoa	Nữ	19/02/1994	Tỉnh Quảng Bình	
141	29	22.01.03.0274	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	09/08/1991	Tỉnh Tuyên Quang	
142	30	22.01.03.0277	Nguyễn Phan Ngọc	Thuần	Nam	01/09/1994	Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng	
143	31	22.01.03.0280	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	30/12/1984	Thành phố Hải Phòng	
144	32	22.01.03.0282	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	05/09/1994	Tỉnh Thanh Hóa	
145	33	22.01.03.0289	Võ Thị Thảo	Trang	Nữ	06/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
146	34	22.01.03.0292	Bơ Su	Trang	Nữ	01/07/1988	Tỉnh Lâm Đồng	
147	35	22.01.03.0295	Văn Thị Bích	Trâm	Nữ	10/04/1994	Tỉnh Bình Định	
148	36	22.01.03.0310	Huỳnh Thị Hoàng	Uyên	Nữ	20/10/1989	Tỉnh Đắk Lắk	
149	37	22.01.03.0311	Nguyễn Hồ Tú	Uyên	Nữ	01/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
150	38	22.01.03.0315	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	11/03/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG 38						
151	1	22.01.04.0318	Vũ Long	An	Nam	14/10/1987	Tỉnh Bắc Giang	
152	2	22.01.04.0319	Trần Hùng	Anh	Nữ	30/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
153	3	22.01.04.0320	Nguyễn Kim Thiên	Ái	Nữ	29/12/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
154	4	22.01.04.0321	Dương Văn	Ba	Nam	02/06/1969	Thành phố Hồ Chí Minh	
155	5	22.01.04.0322	Phạm Thị Hồng	Cúc	Nữ	17/5/1984	Tỉnh Bến Tre	
156	6	22.01.04.0323	Nguyễn Thị Xuân	Dinh	Nữ	04/09/1995	Tỉnh Đồng Nai	
157	7	22.01.04.0324	Nguyễn Ngọc	Dung	Nữ	26/12/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
158	8	22.01.04.0325	Nguyễn Thị Thanh	Duy	Nữ	06/04/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	
159	9	22.01.04.0326	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	08/12/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
160	10	22.01.04.0327	Tô Ngọc	Giàu	Nữ	24/05/1990	Tỉnh Vĩnh Long	
161	11	22.01.04.0328	Đoàn Thị Ngọc	Hà	Nữ	10/10/1988	Tỉnh Bến Tre	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
162	12	22.01.04.0330	Phạm Thị Diệu	Hiền	Nữ	22/11/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
163	13	22.01.04.0331	Dương Thị Thanh	Hoa	Nữ	19/02/1998	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
164	14	22.01.04.0332	Trần Thị Xuân	Hòa	Nữ	27/12/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
165	15	22.01.04.0333	Lê Thị	Hồng	Nữ	07/01/1981	Tỉnh Nghệ An	
166	16	22.01.04.0334	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	04/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
167	17	22.01.04.0335	Bùi Thị	Lắm	Nữ	10/01/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
168	18	22.01.04.0336	Hồ Thị Phương	Linh	Nữ	08/10/1979	Tỉnh Khánh Hòa	
169	19	22.01.04.0337	Lê Đình Tuyết	Nga	Nữ	02/07/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
170	20	22.01.04.0338	Trần Thị Ngọc	Oanh	Nữ	30/06/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
171	21	22.01.04.0340	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	02/12/1983	Phú Khánh	
172	22	22.01.04.0341	Lê Phạm Lan	Phương	Nữ	19/9/1995	Tỉnh Kon Tum	
173	23	22.01.04.0342	Lê Thị Yến	Phượng	Nữ	11/5/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
174	24	22.01.04.0343	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	25/11/1983	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
175	25	22.01.04.0344	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/06/1993	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
176	26	22.01.04.0345	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	Nữ	13/08/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
177	27	22.01.04.0346	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	26/12/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
178	28	22.01.04.0347	Trần Thị Hồng	Thu	Nữ	28/05/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
179	29	22.01.04.0348	Võ Thị Mỹ	Thuần	Nữ	29/11/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
180	30	22.01.04.0349	Trần Thị Diễm	Thúy	Nữ	04/06/1995	Tỉnh Bình Định	
181	31	22.01.04.0350	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	16/01/1990	Tỉnh Bình Thuận	
182	32	22.01.04.0351	Hồ Thị	Thủy	Nữ	01/06/1989	Tỉnh Nghệ An	
183	33	22.01.04.0352	Trần Mộng Thanh	Thươn g	Nữ	26/12/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
184	34	22.01.04.0353	Trương Minh	Tiến	Nam	04/12/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
185	35	22.01.04.0355	Vũ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	19/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
186	36	22.01.04.0356	Trần Ngọc Bảo	Trân	Nữ	30/5/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
187	37	22.01.04.0357	Bùi Thị Ngọc	Truyền	Nữ	23/04/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
188	38	22.01.04.0358	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	22/5/1982	Tỉnh Long An	
		NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC						
		31						
189	1	22.01.05.0359	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	06/10/1987	Tỉnh Hà Bắc	
190	2	22.01.05.0360	Phạm Quốc Thiên	Ân	Nam	03/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
191	3	22.01.05.0361	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	14/02/1992	Sông Bé	
192	4	22.01.05.0362	Bùi Duy	Bình	Nam	05/07/1995	Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng	
193	5	22.01.05.0363	Ngô Phi	Cường	Nam	07/08/1994	Tỉnh Quảng Bình	
194	6	22.01.05.0364	Dương Trung	Cường	Nam	02/09/1995	Tỉnh Gia Lai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
195	7	22.01.05.0365	Đinh Phước	Diễn	Nam	18/05/1995	Tỉnh Tiền Giang	
196	8	22.01.05.0366	Phan Hoàng Uyển	Dung	Nữ	14/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
197	9	22.01.05.0368	Nguyễn Khánh	Đăng	Nam	29/10/1995	Tỉnh Bạc Liêu	
198	10	22.01.05.0370	Phạm Trường	Giang	Nam	05/06/1993	Tỉnh Kiên Giang	
199	11	22.01.05.0371	Nguyễn Thuỵ Bích	Hằng	Nữ	05/08/1990	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
200	12	22.01.05.0374	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	24/09/1994	Tỉnh Đồng Nai	
201	13	22.01.05.0375	Nguyễn Đức Trọng	Hiếu	Nam	01/01/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
202	14	22.01.05.0377	Phùng Quang Minh	Hoàng	Nam	24/08/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
203	15	22.01.05.0379	Trần Xuân	Hùng	Nam	19/08/1983	Tỉnh Thanh Hóa	
204	16	22.01.05.0381	Mai Thị Vân	Lam	Nữ	01/06/1986	Tỉnh Quảng Ngãi	
205	17	22.01.05.0382	Trần Huyền	Linh	Nữ	18/01/1993	Tỉnh Cà Mau	
206	18	22.01.05.0383	Trần Mai	Linh	Nữ	28/09/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
207	19	22.01.05.0385	Phạm Thị Diệu	Minh	Nữ	05/02/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
208	20	22.01.05.0386	Hà Thị Trà	My	Nữ	02/11/1992	Hà Tây	
209	21	22.01.05.0387	Võ Thị Kim	Ngọc	Nữ	22/12/1992	Tỉnh Tiền Giang	
210	22	22.01.05.0388	Đinh Thị Quỳnh	Như	Nữ	31/01/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
211	23	22.01.05.0389	Nghệ Diễm	Phương	Nữ	19/03/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
212	24	22.01.05.0390	Phùng Thế	Quang	Nam	28/06/1994	Tỉnh Hà Bắc	
213	25	22.01.05.0391	Hồ Thị Thanh	Sang	Nữ	20/12/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
214	26	22.01.05.0394	Trần Đức	Thiện	Nam	20/11/1993	Tỉnh Gia Lai	
215	27	22.01.05.0395	Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	26/10/1995	Tỉnh Bình Thuận	
216	28	22.01.05.0396	Đỗ Thị	Trang	Nữ	25/9/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
217	29	22.01.05.0397	Nguyễn Thị Thu	Trâm	Nữ	15/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
218	30	22.01.05.0399	Lê Tuấn	Vũ	Nam	14/12/1991	Tỉnh Bình Định	
219	31	22.01.05.0400	Lê Thị	Yến	Nữ	02/09/1994	Tỉnh Nghệ An	
		NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU – CHỐNG ĐỘC 23						
220	1	22.01.06.0402	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	10/11/1987	Tỉnh Tây Ninh	
221	2	22.01.06.0403	Phạm Thị Phương	Dung	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Quảng Nam	
222	3	22.01.06.0404	Nguyễn Trọng	Giáp	Nam	22/07/1987	Tỉnh Thái Bình	
223	4	22.01.06.0405	Trần Minh	Hải	Nam	20/06/1983	Tỉnh Tây Ninh	
224	5	22.01.06.0406	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	06/03/1991	Tỉnh Thanh Hóa	
225	6	22.01.06.0407	Vũ Nguyễn Quý	Huân	Nam	25/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
226	7	22.01.06.0408	Huỳnh Nhật	Huy	Nam	16/06/1993	Tỉnh Bình Thuận	
227	8	22.01.06.0409	Huỳnh Minh	Khánh	Nam	10/10/1992	Tỉnh Bến Tre	
228	9	22.01.06.0410	Đinh Quang	Lâm	Nam	02/12/1993	Tỉnh Lâm Đồng	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
229	10	22.01.06.0411	Võ Thị Cẩm	Liên	Nữ	05/12/1993	Tỉnh Tiền Giang	
230	11	22.01.06.0412	Nguyễn Kim	Long	Nam	23/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
231	12	22.01.06.0414	Trần Trương Danh	Nghĩa	Nam	18/01/1995	Tỉnh Khánh Hòa	
232	13	22.01.06.0415	Lê Bá Phước	Nguyên	Nam	18/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
233	14	22.01.06.0416	Trần Trọng	Nguyễn	Nam	25/3/1990	Tỉnh Tây Ninh	
234	15	22.01.06.0417	Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	10/11/1994	Tỉnh Ninh Bình	
235	16	22.01.06.0418	Hoàng Thị Kim	Oanh	Nữ	01/03/1990	Sông Bé	
236	17	22.01.06.0419	Ka	Quỳnh	Nữ	30/01/1992	Tỉnh Lâm Đồng	
237	18	22.01.06.0420	Trần Thanh	Sang	Nam	26/06/1974	Thành phố Hồ Chí Minh	
238	19	22.01.06.0422	Nguyễn Văn	Thủy	Nam	06/10/1994	Tỉnh Phú Yên	
239	20	22.01.06.0423	Nguyễn Văn	Trung	Nam	08/03/1990	Thành phố Hà Nội	
240	21	22.01.06.0424	Đình Việt	Tuấn	Nam	20/04/1992	Tỉnh Đồng Nai	
241	22	22.01.06.0425	Trương Thanh	Tùng	Nam	03/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
242	23	22.01.06.0426	Nguyễn Thị Hằng	Vy	Nữ	16/06/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: HUYẾT HỌC 2						
243	1	22.01.07.1011	Huỳnh Thị Tố	Trâm	Nữ	05/09/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
244	2	22.01.07.1012	Bùi Thị Lệ	Uyên	Nữ	17/07/1992	Tỉnh Quảng Ngãi	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT 55						
245	1	22.01.10.0527	Nguyễn Vũ Trúc	Anh	Nữ	15/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
246	2	22.01.10.0533	Cao Hoài	Ân	Nam	10/11/1980	Tỉnh Long An	
247	3	22.01.10.0540	Phan Trọng	Bình	Nam	23/05/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
248	4	22.01.10.0543	Nguyễn Bình	Chiêu	Nam	12/08/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
249	5	22.01.10.0544	Hoàng Bảo	Chiêu	Nam	17/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
250	6	22.01.10.0545	Lâm Thị Kim	Chúc	Nữ	05/03/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
251	7	22.01.10.0551	Vũ Thảo Phương	Dung	Nữ	20/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
252	8	22.01.10.0562	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	30/10/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
253	9	22.01.10.0563	Đặng Huỳnh Minh	Đức	Nam	18/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
254	10	22.01.10.0567	Võ Thị Thu	Hà	Nữ	28/03/1995	Tỉnh Bến Tre	
255	11	22.01.10.0574	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	15/06/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
256	12	22.01.10.0577	Nguyễn Hoàng	Hiếu	Nam	20/07/1989	Tỉnh Khánh Hòa	
257	13	22.01.10.0582	Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	19/03/1994	Kon Tum	
258	14	22.01.10.0588	Liêu Quốc	Huy	Nam	05/10/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
259	15	22.01.10.0590	Phạm Mai	Hung	Nam	20/07/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
260	16	22.01.10.0596	Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
261	17	22.01.10.0597	Trần Đăng	Khoa	Nam	15/03/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
262	18	22.01.10.0599	Trần Thanh	Kiệt	Nam	02/06/1992	Tỉnh Bình Định	
263	19	22.01.10.0602	Lương Thị	Lam	Nữ	29/03/1982	Tỉnh Hà Tĩnh	
264	20	22.01.10.0603	Lê Hoàng Diễm	Lệ	Nữ	14/06/1994	Tỉnh Bình Định	
265	21	22.01.10.0604	Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	10/05/1994	Tỉnh An Giang	
266	22	22.01.10.0605	Trần Hoàng Nhật	Linh	Nữ	01/05/1995	Tỉnh Đồng Nai	
267	23	22.01.10.0621	Vũ Đức	Nam	Nam	16/08/1990	Hà Nam Ninh	
268	24	22.01.10.0623	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	02/08/1995	Tỉnh Bình Định	
269	25	22.01.10.0624	Trần Đại	Nghĩa	Nam	02/04/1992	Hà Tây	
270	26	22.01.10.0625	Trần Đại	Nghĩa	Nam	25/12/1994	Tỉnh Gia Lai	
271	27	22.01.10.0633	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	02/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
272	28	22.01.10.0634	Nguyễn Đoàn Trọng	Nhân	Nam	09/11/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
273	29	22.01.10.0635	Nguyễn Thị Bảo	Nhi	Nữ	20/08/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
274	30	22.01.10.0636	Huỳnh Cẩm	Nhi	Nữ	25/06/1993	Tỉnh Bình Định	
275	31	22.01.10.0640	Trần Thị	Nhung	Nữ	01/01/1994	Tỉnh Trà Vinh	
276	32	22.01.10.0642	Lý Thị	Niệm	Nữ	14/12/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
277	33	22.01.10.0651	Nguyễn Minh	Phong	Nam	27/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
278	34	22.01.10.0653	Nguyễn Thành	Phú	Nam	15/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
279	35	22.01.10.0660	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	08/09/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
280	36	22.01.10.0661	Nguyễn Hải	Phượng	Nữ	04/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
281	37	22.01.10.0662	Nròng K' Duy	Py	Nam	08/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
282	38	22.01.10.0666	Huỳnh Nhật	Quang	Nam	16/03/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
283	39	22.01.10.0669	Lê Quốc Thiên	Quyền	Nam	03/07/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
284	40	22.01.10.0675	Drong Nai	Rênal	Nữ	14/06/1992	Tỉnh Lâm Đồng	
285	41	22.01.10.0676	Tu Thanh	Sang	Nam	10/12/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
286	42	22.01.10.0682	Nguyễn Dương	Tài	Nam	20/05/1992	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
287	43	22.01.10.0683	Phan Đức	Tài	Nam	20/01/1995	Tỉnh Bình Phước	
288	44	22.01.10.0687	Nguyễn Từ Kim	Thanh	Nữ	26/04/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
289	45	22.01.10.0698	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	29/12/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
290	46	22.01.10.0701	Lê Đào Phúc	Thái	Nam	06/08/1993	Tỉnh Bình Thuận	
291	47	22.01.10.0702	Trần Minh	Thái	Nữ	08/03/1995	Tỉnh Thái Bình	
292	48	22.01.10.0705	Hà Minh	Thắng	Nam	18/08/1993	Hà Nam	
293	49	22.01.10.0728	Trương Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	11/12/1992	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
294	50	22.01.10.0734	Phạm Quang	Trí	Nam	30/03/1992	Tỉnh Bến Tre	
295	51	22.01.10.0738	Dương Trí	Trung	Nam	05/06/1990	Tỉnh Hà Tĩnh	
296	52	22.01.10.0739	Dương Thanh	Trung	Nam	01/01/1996	Bình Định	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
297	53	22.01.10.0748	Trần Minh	Tú	Nam	31/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
298	54	22.01.10.0749	Phan Thanh Thanh	Vân	Nữ	04/11/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
299	55	22.01.10.0758	Trương Yến	Vy	Nữ	05/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT 25						
300	1	22.01.12.0762	Lại Trung	Anh	Nam	01/08/1990	Tỉnh Gia Lai	
301	2	22.01.12.0763	Phạm Thế	Anh	Nam	05/01/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
302	3	22.01.12.0765	Trịnh Du	Dương	Nam	13/11/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
303	4	22.01.12.0766	Hà Công	Đức	Nam	12/10/1992	Tỉnh Vĩnh Phú	
304	5	22.01.12.0767	Lê Nguyễn Trường	Giang	Nam	24/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
305	6	22.01.12.0768	Phạm Ngọc	Hải	Nam	16/11/1996	Tỉnh Hưng Yên	
306	7	22.01.12.0769	Rơ Châm	Hào	Nam	25/11/1990	Tỉnh Gia Lai	
307	8	22.01.12.0770	Đặng Quang	Hậu	Nam	19/11/1995	Tỉnh Gia Lai	
308	9	22.01.12.0771	Hồ Hân	Hoan	Nam	26/9/1993	Tỉnh Quảng Trị	
309	10	22.01.12.0773	Huỳnh Giáp Đăng	Khoa	Nam	01/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
310	11	22.01.12.0774	Trần Anh	Kiệt	Nam	19/08/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
311	12	22.01.12.0775	Du Chí	Lập	Nam	15/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
312	13	22.01.12.0776	Mai Công	Nam	Nam	12/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
313	14	22.01.12.0777	Lê Thanh	Nghị	Nam	10/12/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
314	15	22.01.12.0778	Châu Văn	Nghĩa	Nam	19/09/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
315	16	22.01.12.0779	Đỗ Văn	Phú	Nam	02/10/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
316	17	22.01.12.0780	Nguyễn Xuân Nam	Phương	Nam	04/09/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
317	18	22.01.12.0781	Hồng Ngọc	Thạch	Nam	18/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
318	19	22.01.12.0782	Đặng Văn	Thức	Nam	12/04/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
319	20	22.01.12.0783	Ngô Nguyễn Nhật	Tiến	Nam	10/10/1993	Tỉnh Vĩnh Long	
320	21	22.01.12.0784	Nguyễn Thành	Trung	Nam	29/10/1993	Tỉnh Tây Ninh	
321	22	22.01.12.0785	Dương Thanh	Tú	Nam	06/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
322	23	22.01.12.0787	Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	09/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	
323	24	22.01.12.0788	Vạn Trường Quang	Vinh	Nam	01/04/1993	Tỉnh Ninh Thuận	
324	25	22.01.12.0789	Vũ Hoàng Minh	Vũ	Nam	27/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHÂN KHOA 28						
325	1	22.01.08.0427	Trần Đức	Ánh	Nam	01/05/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
326	2	22.01.08.0428	Lăng Thị Ngọc	Bích	Nữ	19/03/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
327	3	22.01.08.0429	Nguyễn Bình	Cẩn	Nam	10/10/1986	Tỉnh Thanh Hóa	
328	4	22.01.08.0431	Nhâm Sĩ	Hà	Nam	24/02/1984	Tỉnh Thái Bình	
329	5	22.01.08.0432	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/10/1986	Thành phố Hà Nội	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
330	6	22.01.08.0433	Nay Thiểu	Hmok	Nam	05/09/1991	Tỉnh Gia Lai	
331	7	22.01.08.0434	Đặng Thái	Huy	Nam	23/08/1991	Tỉnh Đồng Nai	
332	8	22.01.08.0435	Trần Đăng	Khoa	Nam	03/02/1995	Tỉnh Cà Mau	
333	9	22.01.08.0436	Phạm Lê Trung	Kiên	Nam	18/06/1995	Tỉnh Kiên Giang	
334	10	22.01.08.0437	Kiều Ngọc Yến	Linh	Nữ	07/08/1990	Tỉnh Ninh Thuận	
335	11	22.01.08.0438	Nông Thị Hồng	Loan	Nữ	03/11/1984	Tỉnh Đồng Nai	
336	12	22.01.08.0439	Bùi Trọng	Mười	Nam	05/08/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
337	13	22.01.08.0440	Đỗ Thị	Nga	Nữ	16/08/1981	Tỉnh Ninh Bình	
338	14	22.01.08.0441	Phạm Văn	Ngọc	Nam	04/09/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
339	15	22.01.08.0442	Hoàng Nguyễn Khôi	Nguyễn	Nữ	25/01/1994	Thành phố Cần Thơ	
340	16	22.01.08.0443	Trịnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	03/08/1994	Tỉnh Tiền Giang	
341	17	22.01.08.0444	Lý Minh	Phương	Nữ	01/12/1994	Tỉnh Long An	
342	18	22.01.08.0446	Hồ Lê Huy	Son	Nam	07/12/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	
343	19	22.01.08.0447	Trần Hữu	Tài	Nam	06/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
344	20	22.01.08.0449	Dương Tấn	Thành	Nam	20/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
345	21	22.01.08.0450	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	02/03/1989	Tỉnh Long An	
346	22	22.01.08.0451	Nguyễn Thị Bích	Thúy	Nữ	12/05/1991	Tỉnh Hà Tĩnh	
347	23	22.01.08.0452	Dương Ánh	Thư	Nữ	02/03/1990	Tỉnh Ninh Thuận	
348	24	22.01.08.0454	Trần Lê Đức	Trí	Nam	05/04/1994	Tỉnh Bến Tre	
349	25	22.01.08.0455	Trương Bùi Quang	Trí	Nam	14/09/1994	Tỉnh Bình Định	
350	26	22.01.08.0456	Tạ Văn	Tuấn	Nam	06/09/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
351	27	22.01.08.0457	Nguyễn Phước	Tùng	Nam	06/08/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
352	28	22.01.08.0458	Hà Danh	Vương	Nam	23/02/1993	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
		NGÀNH: NHI KHOA 40						
353	1	22.01.09.0459	Trương Thị Vân	Anh	Nữ	15/10/1992	Tỉnh Quảng Ngãi	
354	2	22.01.09.0461	Nguyễn Phi Diễm	Ái	Nữ	05/01/1994	Tỉnh Ninh Thuận	
355	3	22.01.09.0462	Đặng Nguyên Thi	Ca	Nữ	23/04/1994	Tỉnh Đồng Nai	
356	4	22.01.09.0464	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/01/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
357	5	22.01.09.0467	Lê Hiền	Giang	Nữ	26/08/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
358	6	22.01.09.0468	Đặng Thanh	Hải	Nam	01/01/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
359	7	22.01.09.0469	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	23/07/1995	Hải Hưng	
360	8	22.01.09.0470	Nguyễn Thị Lan	Hảo	Nữ	27/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
361	9	22.01.09.0472	Phan Thanh	Hòa	Nam	15/05/1988	Tỉnh Long An	
362	10	22.01.09.0473	Ngô Văn	Hùng	Nam	12/12/1994	Tỉnh Quảng Nam	
363	11	22.01.09.0474	Lê Quỳnh	Hương	Nữ	11/03/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
364	12	22.01.09.0476	Nguyễn Trần Anh	Khoa	Nam	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
365	13	22.01.09.0479	Văn Thị	Kiều	Nữ	12/12/1994	Tỉnh Đắk Nông	
366	14	22.01.09.0482	Đỗ Vũ	Long	Nam	06/08/1992	Tỉnh Đồng Nai	
367	15	22.01.09.0483	Trần Nữ Trà	Mi	Nữ	01/05/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
368	16	22.01.09.0484	Vũ Hà	Mi	Nữ	06/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
369	17	22.01.09.0485	Trần Hùng	Minh	Nam	02/12/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
370	18	22.01.09.0486	Nguyễn Thị	Mùa	Nữ	14/05/1990	Tỉnh Hà Bắc	
371	19	22.01.09.0488	Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	23/05/1989	Hải Hưng	
372	20	22.01.09.0490	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	17/02/1993	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
373	21	22.01.09.0491	Võ Thị Kim	Ngọc	Nữ	06/11/1992	Tỉnh Tiền Giang	
374	22	22.01.09.0493	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	Nữ	25/10/1993	Tỉnh Phú Yên	
375	23	22.01.09.0494	Đặng Minh Hồng	Phúc	Nam	23/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
376	24	22.01.09.0495	Võ Việt Lan	Phương	Nữ	18/07/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
377	25	22.01.09.0498	Thới Ngọc Lan	Thanh	Nữ	24/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
378	26	22.01.09.0500	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	20/11/1993	Tỉnh Bình Thuận	
379	27	22.01.09.0502	La Thành	Thịnh	Nam	15/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
380	28	22.01.09.0504	Huỳnh Duy	Thông	Nam	15/06/1991	Tỉnh Tiền Giang	
381	29	22.01.09.0505	Ha	Thươn g	Nam	10/10/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
382	30	22.01.09.0509	Đặng Thị Ngọc	Trâm	Nữ	01/05/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
383	31	22.01.09.0510	Phan Thị Ngọc	Trâm	Nữ	27/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
384	32	22.01.09.0513	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	24/11/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
385	33	22.01.09.0514	Phạm Toàn	Trung	Nam	22/03/1993	Quảng Nam-Đà Nẵng	
386	34	22.01.09.0515	Phạm Bảo	Trung	Nam	20/03/1995	Tỉnh Đồng Nai	
387	35	22.01.09.0516	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	15/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
388	36	22.01.09.0518	Lê Thị Thu	Vân	Nữ	25/09/1987	Tỉnh Thanh Hóa	
389	37	22.01.09.0519	Lâm Gia	Vinh	Nam	30/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
390	38	22.01.09.0520	Đỗ Tuấn	Vũ	Nam	28/11/1992	Tỉnh Gia Lai	
391	39	22.01.09.0521	Hoàng Thị	Xoa	Nữ	27/05/1990	Tỉnh Bắc Kạn	
392	40	22.01.09.0522	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	Nữ	05/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH 20						
393	1	22.01.13.0790	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	25/06/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
394	2	22.01.13.0791	Đặng Ngọc	Ánh	Nam	12/07/1992	Tỉnh Nghệ An	
395	3	22.01.13.0792	Mai Quốc	Bảo	Nam	04/11/1995	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
396	4	22.01.13.0796	Đặng Công	Danh	Nam	16/06/1995	Tỉnh Bến Tre	
397	5	22.01.13.0797	Trần Trọng	Duy	Nam	04/03/1983	Tỉnh Nam Định	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
398	6	22.01.13.0798	Phan Văn	Đại	Nam	20/08/1991	Tỉnh Nghệ An	
399	7	22.01.13.0800	Lê Ngân Cẩm	Giang	Nữ	15/03/1994	Tỉnh Tiền Giang	
400	8	22.01.13.0801	Huỳnh Giang	Hà	Nam	23/01/1987	Tỉnh Bình Thuận	
401	9	22.01.13.0803	Phạm Ngọc	Huy	Nam	14/08/1987	Tỉnh Kiên Giang	
402	10	22.01.13.0807	Nguyễn Văn	Nam	Nam	03/03/1990	Tỉnh Nam Định	
403	11	22.01.13.0808	Trần Xuân	Nam	Nam	09/08/1993	Tỉnh Đồng Nai	
404	12	22.01.13.0809	Phan Võ Thy	Ngân	Nữ	23/10/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
405	13	22.01.13.0810	Phan Kim	Ngọc	Nữ	07/02/1994	Tỉnh Long An	
406	14	22.01.13.0812	Hoàng Mạnh	Nhất	Nam	21/06/1992	Dak Lak	
407	15	22.01.13.0814	Ngô Đặng Phú	Phước	Nam	05/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
408	16	22.01.13.0815	Đặng Vũ	Quang	Nam	26/07/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
409	17	22.01.13.0816	Đỗ Đăng	Trường	Nam	20/02/1995	Tỉnh Bình Thuận	
410	18	22.01.13.0817	Vũ Minh	Trường	Nam	29/09/1986	Tỉnh Cà Mau	
411	19	22.01.13.0818	Huỳnh Quang	Tuyến	Nam	15/10/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	
412	20	22.01.13.0819	Đoàn Mạnh	Tùng	Nam	26/06/1982	Tỉnh Lạng Sơn	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA 61						
413	1	22.01.15.0823	Phan Quỳnh	Anh	Nữ	16/10/1995	Tỉnh Kiên Giang	
414	2	22.01.15.0828	H'	Dim	Nữ	25/03/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
415	3	22.01.15.0829	Phạm Thị Ngọc	Dung	Nữ	10/12/1995	Tỉnh Gia Lai	
416	4	22.01.15.0831	Nguyễn Hồng Khánh	Duy	Nam	16/08/1985	Tỉnh Đắk Lắk	
417	5	22.01.15.0833	Lại Thị Mỹ	Duyên	Nữ	25/02/1993	Tỉnh Tây Ninh	
418	6	22.01.15.0834	Trần Huỳnh Kim	Dương	Nữ	13/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
419	7	22.01.15.0837	Hoàng	Hà	Nam	17/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
420	8	22.01.15.0838	Phạm Thái	Hà	Nam	15/08/1994	Nam Hà	
421	9	22.01.15.0841	Đào Văn	Hiếu	Nam	25/08/1996	Tỉnh Hưng Yên	
422	10	22.01.15.0843	Diệp Thị Thanh	Hoa	Nữ	09/03/1991	Tỉnh Bến Tre	
423	11	22.01.15.0844	Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	21/11/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
424	12	22.01.15.0847	Nguyễn Trương Thế	Huy	Nam	27/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
425	13	22.01.15.0849	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	24/10/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
426	14	22.01.15.0851	Ngọ Thị Thu	Hương	Nữ	11/08/1995	Tỉnh Thanh Hóa	
427	15	22.01.15.0853	Lâm Quang Đặng Nữ Thu	Hương	Nữ	28/01/1992	Tỉnh Bình Thuận	
428	16	22.01.15.0856	Bùi Duy	Khánh	Nam	20/05/1994	Tỉnh Bình Thuận	
429	17	22.01.15.0857	Trần Thanh	Khoa	Nam	05/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
430	18	22.01.15.0859	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Nữ	02/10/1992	Tỉnh Quảng Ngãi	
431	19	22.01.15.0861	Võ Thị	Lệ	Nữ	17/02/1995	Quảng Ngãi	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
432	20	22.01.15.0869	Trần Nhật	Minh	Nam	16/08/1995	Quảng Nam-Đà Nẵng	
433	21	22.01.15.0872	Hoàng Huy	Nam	Nam	16/03/1995	Tỉnh Thanh Hóa	
434	22	22.01.15.0874	Lý Thị Thu	Nga	Nữ	02/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
435	23	22.01.15.0875	Trần Thị Cẩm	Ngân	Nữ	21/04/1987	Tỉnh Long An	
436	24	22.01.15.0876	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	19/05/1989	Hải Hưng	
437	25	22.01.15.0877	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	19/12/1994	Tỉnh Bạc Liêu	
438	26	22.01.15.0878	Đặng Văn	Nghĩa	Nam	14/09/1993	Tỉnh Bình Thuận	
439	27	22.01.15.0881	Bùi Minh Khánh	Ngọc	Nữ	16/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
440	28	22.01.15.0882	Nguyễn Hữu Hải	Nguyên	Nữ	20/10/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
441	29	22.01.15.0883	Nguyễn Tấn Phạm	Nguyên	Nam	14/08/1994	Tỉnh Quảng Nam	
442	30	22.01.15.0886	Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	19/02/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
443	31	22.01.15.0887	Lưu Thanh	Nhàn	Nữ	15/02/1995	Minh Hải	
444	32	22.01.15.0888	Phạm Huỳnh Phương	Nhi	Nữ	04/10/1994	Tỉnh Bến Tre	
445	33	22.01.15.0889	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	12/08/1981	Tỉnh Hà Tĩnh	
446	34	22.01.15.0891	Trương Thị Tuyết	Nhung	Nữ	30/7/1989	Tỉnh Tiền Giang	
447	35	22.01.15.0892	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	13/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
448	36	22.01.15.0900	Nguyễn Thị Minh	Phượng	Nữ	28/09/1992	Dak Lak	
449	37	22.01.15.0905	Phạm Thanh	Tài	Nam	30/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
450	38	22.01.15.0906	Phạm Thị Ngọc	Thảo	Nữ	06/10/1984	Tỉnh Tây Ninh	
451	39	22.01.15.0908	Hoàng Kim	Thảo	Nữ	06/09/1991	Tỉnh Đồng Nai	
452	40	22.01.15.0909	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Nữ	08/10/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
453	41	22.01.15.0910	Nguyễn Khả	Thị	Nữ	28/11/1996	Tỉnh Tiền Giang	
454	42	22.01.15.0914	Nguyễn Hữu	Thịnh	Nam	12/11/1987	Cà Mau	
455	43	22.01.15.0917	Trần Bích	Thủy	Nữ	14/06/1988	Tỉnh Đồng Nai	
456	44	22.01.15.0920	Bùi Thị	Toàn	Nữ	27/06/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
457	45	22.01.15.0921	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/09/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
458	46	22.01.15.0923	Trần Hà	Trang	Nữ	01/05/1995	Thành phố Hải Phòng	
459	47	22.01.15.0925	Đậu Thị	Trà	Nữ	19/05/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	
460	48	22.01.15.0928	Phạm Thị Mai	Trâm	Nữ	02/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
461	49	22.01.15.0929	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	Nữ	23/09/1989	Tỉnh Bến Tre	
462	50	22.01.15.0936	Lê Thị Thanh	Trúc	Nữ	11/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
463	51	22.01.15.0938	Hoàng Thanh	Tuấn	Nam	13/04/1992	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
464	52	22.01.15.0939	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	20/11/1989	Tỉnh Tây Ninh	
465	53	22.01.15.0940	Đặng Ngọc	Tuyền	Nữ	14/05/1992	Tỉnh An Giang	
466	54	22.01.15.0941	Bùi Văn	Tùng	Nam	13/06/1994	Tỉnh Thái Bình	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
467	55	22.01.15.0942	Trần Bình Anh	Tú	Nữ	12/02/1996	Tỉnh Bình Thuận	
468	56	22.01.15.0943	Bùi Thị Phương	Uyên	Nữ	30/12/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
469	57	22.01.15.0944	Trần Thị Tú	Uyên	Nữ	15/06/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
470	58	22.01.15.0946	Nguyễn Thị Khánh	Vân	Nữ	12/02/1990	Tỉnh Bến Tre	
471	59	22.01.15.0947	Tạ Nhật	Vân	Nữ	10/12/1992	Tỉnh Bình Thuận	
472	60	22.01.15.0948	Lê Võ Khắc	Vũ	Nam	26/08/1989	Tỉnh Bình Định	
473	61	22.01.15.0949	Nguyễn Thị Việt	Vương	Nữ	01/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG				31		
474	1	22.01.16.0951	Trần Trường	An	Nam	29/05/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
475	2	22.01.16.0952	Đặng Quốc	Bảo	Nam	26/01/1994	Lâm Đồng	
476	3	22.01.16.0953	Trịnh Minh	Châu	Nam	04/09/1989	Tỉnh Lâm Đồng	
477	4	22.01.16.0955	Đỗ Minh	Duẩn	Nam	28/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
478	5	22.01.16.0956	Nguyễn Hải	Dương	Nam	30/08/1990	Sông bé	
479	6	22.01.16.0957	Lê Quang	Đính	Nam	16/11/1987	Sông Bé	
480	7	22.01.16.0958	Lê Văn	Đức	Nam	20/10/1984	Tỉnh Thanh Hóa	
481	8	22.01.16.0959	Nông Tô	Hiếu	Nam	14/01/1993	Tỉnh Bắc Thái	
482	9	22.01.16.0960	Đinh Thị	Hoa	Nữ	03/12/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
483	10	22.01.16.0961	Nguyễn Thị	Kiểm	Nữ	01/10/1991	Tỉnh Tây Ninh	
484	11	22.01.16.0962	Ngô Việt	Lào	Nam	25/02/1990	Hải Hưng	
485	12	22.01.16.0963	Trần Thị Kim	Liên	Nữ	06/10/1986	Tỉnh Hà Tĩnh	
486	13	22.01.16.0964	Phạm Ngọc Trúc	Linh	Nữ	01/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
487	14	22.01.16.0965	Biện Hữu	Na	Nam	01/05/1990	Tỉnh Long An	
488	15	22.01.16.0966	Lê Thị	Năm	Nữ	12/06/1994	Tỉnh Thanh Hóa	
489	16	22.01.16.0967	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	13/10/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
490	17	22.01.16.0968	Lương Trần Tiểu	Nhi	Nữ	28/08/1992	Tỉnh Bạc Liêu	
491	18	22.01.16.0969	Phạm Thị Thúy	Phượng	Nữ	23/03/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
492	19	22.01.16.0970	Néang Phi	Ra	Nữ	14/08/1993	Tỉnh An Giang	
493	20	22.01.16.0971	Đặng Thị Thanh	Tâm	Nữ	01/08/1985	Tỉnh Đắk Lắk	
494	21	22.01.16.0972	Phạm Ngọc	Thảo	Nữ	06/11/1995	Tỉnh Tiền Giang	
495	22	22.01.16.0973	Nguyễn Thị Kim	Thiện	Nữ	31/01/1980	Phú Khánh	
496	23	22.01.16.0974	Huỳnh Huỳnh	Thơ	Nữ	19/06/1990	Tỉnh Long An	
497	24	22.01.16.0975	Nguyễn Phước Minh	Thư	Nữ	27/03/1989	Sông Bé	
498	25	22.01.16.0976	Phạm Anh	Thư	Nữ	31/10/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
499	26	22.01.16.0977	Ngô Thị Huỳnh	Thy	Nữ	26/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
500	27	22.01.16.0978	Nguyễn Trung	Tính	Nam	28/05/1994	Tỉnh Vĩnh Long	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
501	28	22.01.16.0979	Lê Bá	Tuyên	Nam	25/04/1982	Tỉnh Nghệ An	
502	29	22.01.16.0980	Huỳnh Quốc	Việt	Nam	04/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
503	30	22.01.16.0981	Tô Tuấn	Vương	Nam	15/01/1994	Tỉnh Gia Lai	
504	31	22.01.16.0982	K'	Xuân	Nữ	15/03/1986	Tỉnh Lâm Đồng	
		NGÀNH: TÂM THẦN 6						
505	1	22.01.18.1004	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	03/3/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
506	2	22.01.18.1005	Nguyễn Văn	Đắc	Nam	13/8/1978	Hà Nam Ninh	
507	3	22.01.18.1006	Hồ Minh	Hương	Nữ	18/11/1989	Quảng Nam-Đà Nẵng	
508	4	22.01.18.1007	Lê Thị Thùy	Ngân	Nữ	1/7/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
509	5	22.01.18.1008	Lê Vũ Chí	Phước	Nam	12/03/1976	Thành phố Hồ Chí Minh	
510	6	22.01.18.1009	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	08/08/1987	Tỉnh Long An	
		NGÀNH: THẦN KINH 21						
511	1	22.01.17.0983	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	18/08/1990	Tỉnh Long An	
512	2	22.01.17.0984	Lý Ngọc Lê	Cát	Nam	07/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
513	3	22.01.17.0985	Lê Thị	Chung	Nữ	10/12/1993	Tỉnh Nghệ An	
514	4	22.01.17.0986	Hoàng Quốc	Duy	Nam	04/09/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
515	5	22.01.17.0987	Lưu Thị Ngọc	Giàu	Nữ	20/10/1991	Tỉnh Kiên Giang	
516	6	22.01.17.0988	Đặng Khắc	Giáp	Nam	03/08/1994	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
517	7	22.01.17.0989	Trần Thanh	Hiệp	Nam	23/07/1993	Tỉnh Đồng Nai	
518	8	22.01.17.0990	Nguyễn Thái Vĩnh	Hồ	Nam	30/09/1994	Tỉnh Tiền Giang	
519	9	22.01.17.0991	Đặng Minh	Hùng	Nam	26/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
520	10	22.01.17.0992	Trần Thị Thanh	Kiều	Nữ	26/04/1990	Tỉnh Long An	
521	11	22.01.17.0993	Nguyễn Huy	Nguyên	Nam	19/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
522	12	22.01.17.0994	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	08/03/1985	Tỉnh Long An	
523	13	22.01.17.0995	Hồ Mộng Thảo	Nhi	Nữ	24/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
524	14	22.01.17.0996	Nguyễn Đình	Quang	Nam	14/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
525	15	22.01.17.0997	Đỗ Thị	Quyên	Nữ	28/02/1992	Hà Tây	
526	16	22.01.17.0998	Ngô Bảo	Tâm	Nam	10/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
527	17	22.01.17.0999	Ngô Hữu Đông	Thành	Nam	20/08/1993	Sông Bé	
528	18	22.01.17.1000	Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	27/08/1983	Tỉnh Tây Ninh	
529	19	22.01.17.1001	Lê Minh	Thuận	Nam	06/05/1987	Tỉnh Bến Tre	
530	20	22.01.17.1002	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	28/11/1985	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
531	21	22.01.17.1003	Lê Minh	Toàn	Nam	10/03/1991	Tỉnh Thanh Hóa	
		NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM 11						
532	1	22.01.19.1013	Trịnh Đức	Đông	Nam	10/07/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
533	2	22.01.19.1014	Huỳnh Thị Kim	Đon	Nữ	08/10/1973	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
534	3	22.01.19.1015	Trần Thị	Huế	Nữ	21/03/1992	Tỉnh Thái Bình	
535	4	22.01.19.1016	Nguyễn Văn	Hương	Nam	16/05/1982	Tỉnh Hà Tĩnh	
536	5	22.01.19.1017	Đàm Thị	Hường	Nữ	20/03/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
537	6	22.01.19.1018	Ngô Lê Thúy	Quyên	Nữ	27/02/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
538	7	22.01.19.1020	Nguyễn Thế	Thịnh	Nam	01/01/1968	Thành phố Hồ Chí Minh	
539	8	22.01.19.1021	Võ Văn	Thừa	Nam	15/04/1989	Tỉnh Long An	
540	9	22.01.19.1022	Huỳnh Minh	Tuấn	Nam	03/12/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
541	10	22.01.19.1023	K'	Vương	Nam	14/4/1986	Tỉnh Lâm Đồng	
542	11	22.01.19.1024	Hoàng Xuân	Vượng	Nam	17/05/1976	Tỉnh Nghệ An	
		NGÀNH: UNG BƯỚU 3						
543	1	22.01.20.1025	Lâm Hoàng	Long	Nam	08/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
544	2	22.01.20.1027	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
545	3	22.01.20.1029	Lương Thị	Thúy	Nữ	10/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC 15						
546	1	22.01.21.1030	Dương Thuý	An	Nữ	25/12/1983	Tỉnh Bến Tre	
547	2	22.01.21.1031	Quảng Thị Hồng	Ân	Nữ	05/05/1986	Tỉnh Thuận Hải	
548	3	22.01.21.1032	Lê Sơn	Duy	Nam	28/07/1994	Tỉnh Long An	
549	4	22.01.21.1033	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	27/10/1987	Tỉnh Tây Ninh	
550	5	22.01.21.1034	Châu Thúy	Hà	Nữ	12/12/1988	Tỉnh Đồng Tháp	
551	6	22.01.21.1036	Hoàng Thị Thanh	Hoa	Nữ	04/09/1985	Tỉnh Ninh Bình	
552	7	22.01.21.1037	Hồ Đăng	Hùng	Nam	25/02/1990	Tỉnh Nghệ An	
553	8	22.01.21.1039	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	10/06/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
554	9	22.01.21.1040	Trần Thị	Phượng	Nữ	10/12/1985	Tỉnh Long An	
555	10	22.01.21.1041	Đặng Xuân	Quỳnh	Nữ	23/09/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
556	11	22.01.21.1042	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	29/11/1992	Tỉnh Quảng Bình	
557	12	22.01.21.1043	Huỳnh Lễ Nhật	Thanh	Nữ	10/08/1994	Mình Hải	
558	13	22.01.21.1044	Lê Thị Nguyệt	Thanh	Nữ	21/08/1981	Tỉnh Kiên Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
559	14	22.01.21.1046	Nguyễn Đắc	Tuấn	Nam	06/01/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
560	15	22.01.21.1047	Lê Thị Hoài	Vinh	Nữ	05/08/1984	Tỉnh Đồng Nai	
		NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH 25						
561	1	22.01.22.1048	Cao Lê Tuấn	Anh	Nam	26/05/1986	Tỉnh Thanh Hóa	
562	2	22.01.22.1049	Nguyễn Hoài	Ân	Nam	10/08/1992	Tỉnh Ninh Thuận	
563	3	22.01.22.1051	Đoàn Nguyễn Kim	Đạt	Nam	24/12/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
564	4	22.01.22.1053	Hồ Thị Diệu	Hiền	Nữ	18/05/1993	Tỉnh Đồng Tháp	
565	5	22.01.22.1054	Phùng Thị Thu	Hiền	Nữ	27/01/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
566	6	22.01.22.1055	Nguyễn Quốc	Huân	Nam	7/5/1991	Tỉnh Tây Ninh	
567	7	22.01.22.1056	Lê Phát	Huy	Nam	01/3/1987	Tỉnh Tiền Giang	
568	8	22.01.22.1057	Trương Ngọc	Hương	Nữ	30/05/1995	Sông Bé	
569	9	22.01.22.1058	Nguyễn Trọng	Khoa	Nam	14/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
570	10	22.01.22.1059	Bùi Văn	Long	Nam	21/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
571	11	22.01.22.1060	Đào Văn	Lượng	Nam	26/09/1968	Thành phố Hồ Chí Minh	
572	12	22.01.22.1061	Bùi Quốc	Mỹ	Nam	05/03/1991	Tỉnh Đồng Nai	
573	13	22.01.22.1062	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	12/02/1996	Sông Bé	
574	14	22.01.22.1063	Đoàn Thị Kim	Ngọc	Nữ	08/10/1989	Tỉnh Quảng Trị	
575	15	22.01.22.1064	Nguyễn Thanh	Nhã	Nam	21/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
576	16	22.01.22.1065	Tăng Phước	Quân	Nam	24/10/1995	Tỉnh Long An	
577	17	22.01.22.1066	Phạm Đình	Quyết	Nam	20/10/1992	Tỉnh Gia Lai	
578	18	22.01.22.1067	Lê Văn	Tâm	Nam	14/05/1979	Tỉnh Đồng Tháp	
579	19	22.01.22.1068	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/06/1989	Tỉnh Đồng Nai	
580	20	22.01.22.1069	Lê Thị Giao	Thị	Nữ	14/01/1990	Tỉnh Khánh Hòa	
581	21	22.01.22.1070	Vũ Thị	Thủy	Nữ	12/06/1988	VĨNH PHÚ	
582	22	22.01.22.1071	Phạm Thị Phương	Trinh	Nữ	11/06/1993	Thành phố Đà Nẵng	
583	23	22.01.22.1072	Nguyễn Thành	Trung	Nam	10/05/1993	Tỉnh Phú Yên	
584	24	22.01.22.1073	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	22/06/1991	Tỉnh Đồng Nai	
585	25	22.01.22.1074	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	02/06/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
		NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG 10						
586	1	22.01.31.0001	Võ Văn Thành	Đô	Nam	08/02/1984	Tỉnh Đồng Nai	
587	2	22.01.31.0002	Đào Trần Thị Chế	Khanh	Nữ	25/08/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
588	3	22.01.31.0003	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	10/09/1996	Tỉnh Vĩnh Long	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
589	4	22.01.31.0004	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	Nữ	24/06/1985	Tỉnh Đắk Lắk	
590	5	22.01.31.0005	Phạm Kim	Ngân	Nữ	30/10/1989	Tỉnh Long An	
591	6	22.01.31.0006	Nguyễn Huỳnh Tú	Nguyên	Nữ	10/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
592	7	22.01.31.0007	Trương Minh	Thanh	Nam	05/05/1982	Tỉnh Đồng Nai	
593	8	22.01.31.0008	Lê Ngọc	Thơ	Nữ	16/11/1984	Tỉnh Tây Ninh	
594	9	22.01.31.0009	Bùi Thị Thuý	Trâm	Nữ	29/09/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
595	10	22.01.31.0010	Ngô Tố	Trân	Nữ	05/09/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT 5						
596	1	22.01.32.0012	Vũ Kim	Anh	Nữ	15/01/1992	Thành phố Cần Thơ	
597	2	22.01.32.0013	Bùi Trọng	Hiếu	Nam	21/05/1987	Tỉnh Bình Thuận	
598	3	22.01.32.0014	Vũ Biên	Luận	Nam	30/07/1984	Hà Nam Ninh	
599	4	22.01.32.0015	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	20/09/1990	Tỉnh Hà Tĩnh	
600	5	22.01.32.0016	Trịnh Thị Thùy	Trang	Nữ	18/12/1991	Tỉnh Bình Thuận	

Danh sách có 600 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP 2 NĂM 2022
*(Ban hành kèm Thông báo 8523/TB-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 11 năm 2022
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				29		
1	1	22.02.01.0001	Trương Thị Phi	Anh	Nữ	05/12/1981	Tỉnh Quảng Nam	
2	2	22.02.01.0004	Phạm Lê Diễm	Chi	Nữ	19/05/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
3	3	22.02.01.0005	Hồ Quốc	Cường	Nam	03/06/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
4	4	22.02.01.0006	Huỳnh Nguyễn Công	Danh	Nam	26/12/1992	Tỉnh Bình Định	
5	5	22.02.01.0007	Đặng Thị	Diễm	Nữ	06/01/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
6	6	22.02.01.0008	Trần Thị	Diệu	Nữ	25/12/1990	Tỉnh Bình Định	
7	7	22.02.01.0009	Võ	Duy	Nam	02/01/1987	Tỉnh Quảng Nam	
8	8	22.02.01.0011	Hồ Công	Định	Nam	19/01/1989	Tỉnh Đồng Tháp	
9	9	22.02.01.0012	Trần Minh	Hiền	Nam	25/03/1988	Tỉnh Quảng Trị	
10	10	22.02.01.0013	Nguyễn Thành	Hung	Nam	16/04/1989	Sông Bé	
11	11	22.02.01.0014	Mai Lê Thiên	Hương	Nữ	10/07/1976	Đà Nẵng	
12	12	22.02.01.0015	Ngô Thị Thu	Hương	Nữ	14/09/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	22.02.01.0017	Nguyễn Xuân	Lan	Nữ	01/08/1982	Tỉnh Bạc Liêu	
14	14	22.02.01.0019	Từ Thị Thùy	Linh	Nữ	30/04/1974	Tỉnh Gia Lai	
15	15	22.02.01.0020	Lê Minh	Lý	Nam	07/11/1984	Tỉnh Trà Vinh	
16	16	22.02.01.0021	Nguyễn Thị Hồng	Lý	Nữ	18/01/1988	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
17	17	22.02.01.0022	Tôn Nữ Trà	My	Nữ	15/12/1985	Tỉnh Gia Lai	
18	18	22.02.01.0023	Huỳnh	Tế	Nam	17/11/1969	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	19	22.02.01.0024	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	29/10/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
20	20	22.02.01.0025	Trịnh Đình Phương	Thảo	Nữ	18/06/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
21	21	22.02.01.0026	Trịnh Phồn	Thịnh	Nam	23/01/1978	Tỉnh Phú Yên	
22	22	22.02.01.0027	Trần Ngọc	Tiến	Nam	10/07/1983	Tỉnh Bạc Liêu	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
23	23	22.02.01.0028	Phạm Thành	Trung	Nam	20/06/1977	Tỉnh Long An	
24	24	22.02.01.0029	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	16/12/1989	Tỉnh Gia Lai	
25	25	22.02.01.0031	Lê Minh	Tuấn	Nam	13/07/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
26	26	22.02.01.0032	Lâm Bích	Tuyền	Nữ	19/10/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
27	27	22.02.01.0033	Phạm Thanh	Tùng	Nam	28/07/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
28	28	22.02.01.0034	Âu Dương Mỹ	Vân	Nữ	08/01/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
29	29	22.02.01.0035	Trương Ngọc	Vân	Nữ	02/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH				13		
30	1	22.02.02.0037	Lâm Minh	Chính	Nam	30/01/1978	Tỉnh Đồng Tháp	
31	2	22.02.02.0040	Lê Trọng	Hải	Nam	21/07/1990	Tỉnh Kiên Giang	
32	3	22.02.02.0041	Huỳnh Phước	Hậu	Nam	16/6/1986	Tỉnh Trà Vinh	
33	4	22.02.02.0042	Trịnh	Kiên	Nam	27/08/1987	Tỉnh Đồng Nai	
34	5	22.02.02.0045	Ngô Thanh	Long	Nam	20/09/1987	Tỉnh Quảng Ngãi	
35	6	22.02.02.0046	Đinh Ngọc	Minh	Nam	08/06/1982	Tỉnh Đồng Nai	
36	7	22.02.02.0047	Đặng Khải	Minh	Nam	20/01/1982	Tỉnh Bình Dương	
37	8	22.02.02.0049	Triệu Quốc	Ngọc	Nam	01/01/1983	Tỉnh Sóc Trăng	
38	9	22.02.02.0051	Trần Văn	Phong	Nam	29/06/1979	Tỉnh Quảng Trị	
39	10	22.02.02.0052	Lê Xuân	Sơn	Nam	11/12/1987	Thành Phố Huế	
40	11	22.02.02.0054	Nguyễn Duy	Toàn	Nam	09/06/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
41	12	22.02.02.0057	Hà Đức	Tuấn	Nam	17/10/1986	Tỉnh Lâm Đồng	
42	13	22.02.02.0058	Ngô Hoàng	Viễn	Nam	20/07/1986	Tỉnh Đồng Tháp	
		NGÀNH: DA LIỄU				6		
43	1	22.02.03.0060	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	24/06/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
44	2	22.02.03.0061	Lê Thảo	Hiền	Nữ	01/10/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
45	3	22.02.03.0062	Nguyễn Tâm	Hoan	Nam	28/10/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
46	4	22.02.03.0063	Trương Chí	Long	Nam	27/03/1978	Nghĩa Bình	
47	5	22.02.03.0065	Đặng Thu	Trâm	Nữ	04/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	6	22.02.03.0066	Tăng Khả	Tú	Nữ	26/05/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: HUYẾT HỌC				2		
49	1	22.02.07.0193	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24/05/1987	Tỉnh Nghệ An	
50	2	22.02.07.0194	Lê Thị Huyền	Trân	Nữ	02/10/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI TIM MẠCH				15		
51	1	22.02.11.0116	Đinh Thế	Anh	Nam	14/07/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
52	2	22.02.11.0117	Nguyễn Hùng	Anh	Nam	10/11/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
53	3	22.02.11.0118	Bùi	Ánh	Nam	15/04/1970	Tỉnh Quảng Trị	
54	4	22.02.11.0119	Trương Quốc	Cường	Nam	09/09/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
55	5	22.02.11.0120	Phạm Minh	Dân	Nam	02/01/1982	Tỉnh Thái Bình	
56	6	22.02.11.0121	Võ Thái	Duy	Nam	21/05/1994	Tỉnh Tiền Giang	
57	7	22.02.11.0122	Mai Quốc	Dũng	Nam	05/09/1973	Tỉnh Đồng Nai	
58	8	22.02.11.0123	Đặng Duy	Gia	Nam	24/07/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
59	9	22.02.11.0124	Huỳnh Phú	Hưng	Nam	08/3/1982	Tỉnh Tây Ninh	
60	10	22.02.11.0125	Nguyễn Đỗ Đăng	Khoa	Nam	02/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
61	11	22.02.11.0126	Nguyễn Hoàng Tài	My	Nam	18/12/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
62	12	22.02.11.0127	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	14/05/1984	Tỉnh Lâm Đồng	
63	13	22.02.11.0128	Võ Anh	Tài	Nam	09/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
64	14	22.02.11.0129	Nguyễn Đức	Thành	Nam	09/10/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
65	15	22.02.11.0130	Huỳnh Văn	Toàn	Nam	04/01/1976	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT				22		
66	1	22.02.10.0081	Nguyễn Thị Thuý	An	Nữ	03/07/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
67	2	22.02.10.0082	Trần Thị Thu	Cúc	Nữ	06/10/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
68	3	22.02.10.0085	Nguyễn Võ Mỹ	Hạnh	Nữ	13/11/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
69	4	22.02.10.0086	Đào Thanh	Hiệp	Nam	15/8/1988	Tỉnh Ninh Thuận	
70	5	22.02.10.0089	Nguyễn Thị Kim	Hường	Nữ	02/12/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
71	6	22.02.10.0090	Lê Như Thụy	Khanh	Nữ	31/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	7	22.02.10.0091	Đồng Thị Thùy	Linh	Nữ	19/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
73	8	22.02.10.0094	Lê Thị Nguyệt	Minh	Nữ	18/12/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
74	9	22.02.10.0096	Sy Quốc	Nhân	Nam	21/01/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
75	10	22.02.10.0097	Huỳnh Thị	Nhung	Nữ	20/02/1988	Nghĩa Bình	
76	11	22.02.10.0098	Phạm Kim Hồng	Phúc	Nữ	19/04/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	12	22.02.10.0101	Huỳnh Bảo	Quốc	Nam	01/01/1983	Tỉnh An Giang	
78	13	22.02.10.0103	Nguyễn	Quý	Nam	31/07/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
79	14	22.02.10.0104	Trần Văn	Sỹ	Nam	19/10/1991	Mình Hải	
80	15	22.02.10.0105	Tạ Khánh	Tâm	Nữ	20/07/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
81	16	22.02.10.0106	Dương Hoàng	Thái	Nam	15/05/1983	Tỉnh Tây Ninh	
82	17	22.02.10.0108	Trương Vĩnh	Thái	Nam	04/09/1991	Tỉnh Vĩnh Long	
83	18	22.02.10.0109	Hứa Trương	Thiện	Nam	01/01/1990	Tỉnh Cà Mau	
84	19	22.02.10.0111	Đào Huy	Toàn	Nam	24/11/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	
85	20	22.02.10.0112	Nguyễn Đức	Tới	Nam	15/09/1981	Hải Hưng	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
86	21	22.02.10.0113	Nguyễn Ngọc	Trân	Nữ	17/11/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
87	22	22.02.10.0114	Nguyễn Đình	Tuyên	Nam	15/09/1987	Tỉnh Hà Tĩnh	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT				8		
88	1	22.02.12.0131	Nguyễn Trung	Đương	Nam	23/03/1992	Tỉnh Quảng Ngãi	
89	2	22.02.12.0132	Trần Thanh	Hiền	Nam	16/07/1984	Côn Đảo	
90	3	22.02.12.0133	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	18/04/1985	Tỉnh Ninh Thuận	
91	4	22.02.12.0134	Phan Lương	Huy	Nam	14/09/1979	Thành phố Hồ Chí Minh	
92	5	22.02.12.0135	Phạm Việt	Khương	Nam	16/02/1988	Cà Mau	
93	6	22.02.12.0136	Trần Đức	Lợi	Nam	08/12/1990	Tỉnh Bình Định	
94	7	22.02.12.0137	Trần Xuân	Tiềm	Nam	10/03/1991	Tỉnh Hà Tĩnh	
95	8	22.02.12.0138	Nguyễn Khánh	Vân	Nam	14/04/1969	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHÂN KHOA				2		
96	1	22.02.08.0067	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	22/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
97	2	22.02.08.0068	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	Nữ	01/01/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHI KHOA				7		
98	1	22.02.09.0071	Lê Ngọc	Lâm	Nam	02/04/1980	Tỉnh Ninh Thuận	
99	2	22.02.09.0072	Nguyễn Kim	Loan	Nữ	12/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	3	22.02.09.0074	Hồ Thanh	Phương	Nữ	15/05/1991	Tỉnh Cà Mau	
101	4	22.02.09.0075	Phạm Thị Lan	Phương	Nữ	21/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
102	5	22.02.09.0076	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	18/09/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
103	6	22.02.09.0077	Ngô Thị Ngọc	Thúy	Nữ	15/06/1984	Tỉnh Tiền Giang	
104	7	22.02.09.0079	Đoàn Thị Thanh	Trúc	Nữ	15/11/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH				4		
105	1	22.02.13.0139	Nguyễn Vũ	Huân	Nam	23/11/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
106	2	22.02.13.0140	Thân Văn	Hùng	Nam	19/11/1986	Tỉnh Đồng Nai	
107	3	22.02.13.0141	Ngô Hồng	Phúc	Nam	16/03/1964	Thành phố Hồ Chí Minh	
108	4	22.02.13.0142	Nguyễn Thanh	Sĩ	Nam	10/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	
		NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ				13		
109	1	22.02.14.0143	Đặng Ngọc	Dũng	Nam	18/11/1970	Tỉnh Khánh Hòa	
110	2	22.02.14.0144	Nguyễn Quỳnh Hồng	Đoan	Nam	17/09/1973	Sài Gòn	
111	3	22.02.14.0145	Phạm Hùng	Lân	Nam	03/04/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
112	4	22.02.14.0146	Hoàng Quốc	Nam	Nam	04/06/1975	Nghệ Tĩnh	
113	5	22.02.14.0147	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	Nữ	22/12/1982	Đồng Tháp	
114	6	22.02.14.0148	Lê Văn	Nguyên	Nam	10/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
115	7	22.02.14.0149	Phạm Ngọc	Nhân	Nam	06/02/1971	Tỉnh Bình Thuận	
116	8	22.02.14.0150	Ngô Hồng	Phúc	Nam	12/12/1986	Tỉnh Đồng Nai	
117	9	22.02.14.0151	Nguyễn Đình	Qui	Nam	21/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
118	10	22.02.14.0152	Bùi Thị Kim	Thảo	Nữ	11/10/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
119	11	22.02.14.0155	Lê Điền	Trung	Nam	17/10/1977	Tỉnh Cà Mau	
120	12	22.02.14.0156	Phạm Văn	Tung	Nam	03/02/1970	Tỉnh An Giang	
121	13	22.02.14.0158	Nguyễn Hoàng	Vỹ	Nam	01/05/1969	Tỉnh Quảng Nam	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA				17		
122	1	22.02.15.0160	Lê Tấn	Cảnh	Nam	15/09/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	2	22.02.15.0161	Trần Thế	Lộc	Nam	21/08/1983	Tỉnh Hà Tĩnh	
124	3	22.02.15.0162	Trần Thị Kiều	My	Nữ	09/02/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
125	4	22.02.15.0163	Đỗ Thị Tuyết	Nga	Nữ	28/12/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
126	5	22.02.15.0164	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	07/12/1975	Tỉnh Tiền Giang	
127	6	22.02.15.0165	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	23/10/1990	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
128	7	22.02.15.0166	Đỗ Vạn	Sỹ	Nam	02/02/1979	Tỉnh Quảng Nam	
129	8	22.02.15.0167	Phạm Thị Mộng	Thơ	Nữ	09/01/1988	Tỉnh Bình Dương	
130	9	22.02.15.0168	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	Nữ	23/02/1981	Tỉnh Bạc Liêu	
131	10	22.02.15.0170	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	26/01/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
132	11	22.02.15.0171	Nguyễn Thị Thuỷ	Trang	Nữ	10/06/1976	Tỉnh Long An	
133	12	22.02.15.0172	Phạm Bảo	Trân	Nữ	01/03/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
134	13	22.02.15.0173	Hồ Bảo	Trân	Nữ	25/10/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
135	14	22.02.15.0174	Võ Nguyễn Kim	Tuyên	Nữ	23/06/1977	Tỉnh Phú Yên	
136	15	22.02.15.0175	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	20/12/1976	Tỉnh Bình Định	
137	16	22.02.15.0176	Lê Đàm	Vân	Nữ	02/04/1983	Tỉnh Thanh Hóa	
138	17	22.02.15.0177	Phạm Mỹ Hoàng	Vân	Nữ	01/04/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG				8		
139	1	22.02.16.0178	Hoàng Việt	Hà	Nữ	08/05/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
140	2	22.02.16.0179	Lê Huy	Hiếu	Nam	15/10/1991	Tỉnh Tiền Giang	
141	3	22.02.16.0180	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	18/04/1986	Tỉnh Kiên Giang	
142	4	22.02.16.0181	Dương Thái	Sơn	Nam	05/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
143	5	22.02.16.0182	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	27/03/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
144	6	22.02.16.0183	Hoàng Thế	Toàn	Nam	11/08/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
145	7	22.02.16.0184	Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	03/01/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
146	8	22.02.16.0185	Lý Phạm Hoàng	Xuân	Nữ	06/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: THẦN KINH				6		
147	1	22.02.17.0187	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	Nữ	17/08/1983	Tỉnh Long An	
148	2	22.02.17.0188	Võ Thành	Nam	Nam	26/08/1991	Tỉnh Long An	
149	3	22.02.17.0189	Đào Thị Thanh	Nhã	Nữ	20/10/1987	Tỉnh Kiên Giang	
150	4	22.02.17.0190	Lê Thành	Nhân	Nữ	18/11/1979	Tỉnh Quảng Trị	
151	5	22.02.17.0191	Mã Lệ	Quân	Nữ	29/07/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
152	6	22.02.17.0192	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	28/11/1976	Tỉnh Bến Tre	
		NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM				3		
153	1	22.02.19.0195	Nguyễn Bình	An	Nam	12/05/1986	Tỉnh An Giang	
154	2	22.02.19.0196	Nguyễn Trọng	Chiến	Nam	09/11/1989	Tỉnh Hà Tĩnh	
155	3	22.02.19.0198	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	21/04/1988	Tỉnh Đồng Tháp	
		NGÀNH: UNG BƯỞU				9		
156	1	22.02.20.0199	Lê Hùng	Khương	Nam	25/09/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
157	2	22.02.20.0200	Trần Trọng	Lễ	Nam	25/05/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
158	3	22.02.20.0201	Đào Phi	Long	Nam	27/01/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
159	4	22.02.20.0202	Nguyễn Xuân	Long	Nam	26/02/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
160	5	22.02.20.0203	Nguyễn Tuấn	Ngọc	Nam	11/01/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
161	6	22.02.20.0204	Nguyễn Hoàng Duy	Thanh	Nam	29/08/1988	Tỉnh Vĩnh Long	
162	7	22.02.20.0205	Võ Tất	Thắng	Nam	11/02/1987	Tỉnh Long An	
163	8	22.02.20.0206	Phạm Thị Tâm	Trinh	Nữ	07/01/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
164	9	22.02.20.0207	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	21/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI LÒNG NGỰC				6		
165	1	22.02.33.0001	Phan Sĩ	Hiệp	Nam	18/04/1982	Tỉnh Bến Tre	
166	2	22.02.33.0002	Ngô Bảo	Khoa	Nam	16/04/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
167	3	22.02.33.0003	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	04/02/1988	Tỉnh Long An	
168	4	22.02.33.0004	Nguyễn Công	Tiến	Nam	03/07/1986	Tỉnh Đồng Nai	
169	5	22.02.33.0005	Nguyễn Anh	Trung	Nam	13/08/1981	Hà Bắc	
170	6	22.02.33.0006	Nguyễn Võ Anh	Tú	Nam	21/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU				9		
171	1	22.02.34.0007	Trịnh Nguyên	Bách	Nam	21/04/1990	Tỉnh Đắk Lắk	
172	2	22.02.34.0010	Lê Văn	Hoàn	Nam	20/10/1987	Tỉnh Hưng Yên	
173	3	22.02.34.0011	Lê Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	26/05/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
174	4	22.02.34.0012	Trần Trọng	Huân	Nam	08/10/1991	Quảng Ngãi	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
175	5	22.02.34.0013	Phan Mạnh	Linh	Nam	31/12/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
176	6	22.02.34.0014	Lê Trọng Thiên	Long	Nam	18/12/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
177	7	22.02.34.0017	Trần Văn	Quốc	Nam	15/6/1977	Tỉnh An Giang	
178	8	22.02.34.0018	Phan Thành	Thống	Nam	20/01/1991	Tỉnh Bến Tre	
179	9	22.02.34.0019	Chung Tấn	Tinh	Nam	22/02/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 179 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2022

*(Ban hành kèm Thông báo 8523/TB-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 11 năm 2022
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH					
		14					
1	1	22.03.01.0001	Trần Bình An	Nam	06/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
2	2	22.03.01.0003	Đặng Thanh Tú Anh	Nữ	24/11/1997	Tỉnh Sóc Trăng	
3	3	22.03.01.0006	Nguyễn Đình Duy Hậu	Nam	03/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
4	4	22.03.01.0009	Phạm Vũ Duy Hưng	Nam	19/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
5	5	22.03.01.0010	Nguyễn Duy Khang	Nam	08/10/1998	Tỉnh Bình Định	
6	6	22.03.01.0011	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	18/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	22.03.01.0012	Nguyễn Thành Khương	Nam	07/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
8	8	22.03.01.0014	Mai Anh Minh	Nam	06/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
9	9	22.03.01.0017	Lữ Mỹ Phụng	Nữ	23/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
10	10	22.03.01.0019	Trần Việt Thắng	Nam	19/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
11	11	22.03.01.0024	Nguyễn Anh Thư	Nữ	22/05/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
12	12	22.03.01.0027	Nhan Thiên Tường	Nam	24/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	22.03.01.0028	Nguyễn Trần Nữ Vương	Nữ	28/04/1998	Tỉnh Phú Yên	
14	14	22.03.01.0029	Võ Đoàn Nhật Vy	Nữ	22/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: DA LIỄU					
		6					
15	1	22.03.03.0036	Nguyễn Đức Dũng	Nam	20/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
16	2	22.03.03.0043	Nguyễn Thanh Minh	Nam	24/04/1998	Tỉnh Đồng Nai	
17	3	22.03.03.0047	Lê Thảo Phúc	Nữ	15/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
18	4	22.03.03.0055	Nguyễn Tấn Chương	Nam	17/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	5	22.03.03.0057	Vũ Bảo Trân	Nữ	15/11/1996	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
20	6	22.03.03.0059	Lâm Thanh Xuân	Nữ	08/03/1998	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT					
		28					
21	1	22.03.10.0135	Lê An	Nữ	16/02/1998	Tỉnh Bến Tre	
22	2	22.03.10.0138	Nguyễn Thị Bình	Nữ	04/10/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
23	3	22.03.10.0140	Phan Thị Minh Châu	Nữ	19/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
24	4	22.03.10.0141	Nguyễn Trần Minh Chiến	Nam	13/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
25	5	22.03.10.0143	Nguyễn Thị Thuý Duy	Nữ	06/07/1998	Tỉnh Bến Tre	
26	6	22.03.10.0146	Nguyễn Mạnh Đức	Nam	17/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
27	7	22.03.10.0148	Trần Huy Minh Hằng	Nữ	22/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
28	8	22.03.10.0151	Lê Hoàn	Nam	16/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
29	9	22.03.10.0152	Trần Văn Hoàng	Nam	02/05/1998	Tỉnh Bắc Ninh	
30	10	22.03.10.0153	Trần Vũ Thái Huy	Nam	09/05/1998	Tỉnh Bình Thuận	
31	11	22.03.10.0154	Nguyễn Hoàng Đức Huy	Nam	18/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
32	12	22.03.10.0158	Võ Quốc Khánh	Nam	02/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
33	13	22.03.10.0162	Trần Phúc Lộc	Nam	17/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
34	14	22.03.10.0164	Phạm Lê Minh Mẫn	Nam	05/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
35	15	22.03.10.0165	Chu Nguyễn Nhật Minh	Nam	21/08/1997	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
36	16	22.03.10.0169	Nguyễn Y Như Ngọc	Nữ	02/01/1998	Tỉnh Long An	
37	17	22.03.10.0170	Võ Lê Hồng Nhật	Nữ	05/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
38	18	22.03.10.0171	Trịnh Thị Phương Nhi	Nữ	17/07/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	
39	19	22.03.10.0174	Hà Thị Ngọc Phượng	Nữ	29/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
40	20	22.03.10.0176	Phan Minh Quang	Nam	20/05/1998	Tỉnh Bình Thuận	
41	21	22.03.10.0178	Nguyễn Lực Sĩ	Nam	12/05/1998	Tỉnh Bình Thuận	
42	22	22.03.10.0179	Huỳnh Đông Lam Sơn	Nam	19/01/1997	Tỉnh Bình Thuận	
43	23	22.03.10.0185	Dương Minh Thông	Nam	22/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
44	24	22.03.10.0189	Nguyễn Minh Tiến	Nam	07/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
45	25	22.03.10.0191	Nguyễn Võ Anh Tiến	Nam	22/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
46	26	22.03.10.0192	Vũ Đức Tín	Nam	13/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
47	27	22.03.10.0199	Trần Hà Uyên	Nữ	13/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	28	22.03.10.0200	Võ Lâm Hoàng Vũ	Nam	30/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT					
		12					

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
49	1	22.03.12.0203	Nguyễn Hữu Chánh	Nam	14/04/1998	Tỉnh Bình Thuận	
50	2	22.03.12.0205	Lê Nguyễn Hải Đăng	Nam	14/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
51	3	22.03.12.0207	Trần Lê Thanh Đức	Nam	11/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
52	4	22.03.12.0209	Nguyễn Văn Đức	Nam	28/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
53	5	22.03.12.0210	Trương Trung Hải	Nam	26/09/1998	Tỉnh Đồng Nai	
54	6	22.03.12.0211	Nguyễn Sĩ Duy Kha	Nam	01/01/1998	Tỉnh Bình Định	
55	7	22.03.12.0214	Đỗ Khiêm	Nam	16/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
56	8	22.03.12.0216	Nguyễn Hiếu Kiên	Nam	18/06/1998	Tỉnh Phú Yên	
57	9	22.03.12.0217	Nguyễn Duy Tuấn Kiệt	Nam	26/02/1998	Tỉnh Phú Yên	
58	10	22.03.12.0228	Bùi Thanh Phước	Nam	06/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
59	11	22.03.12.0230	Phạm Nguyễn Hải Thạch	Nam	21/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
60	12	22.03.12.0232	Sử Trần Tiến	Nam	07/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHÂN KHOA 10					
61	1	22.03.08.0061	Trần Gia Chính	Nam	26/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
62	2	22.03.08.0064	Dương Nguyễn Hồng Hải	Nữ	07/08/1998	Tỉnh Cà Mau	
63	3	22.03.08.0065	Vũ Thị Mai Hương	Nữ	24/07/1997	Tỉnh Thái Bình	
64	4	22.03.08.0066	Lê Hương Xuân Nghi	Nữ	04/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
65	5	22.03.08.0067	Huỳnh Trọng Phát	Nam	31/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
66	6	22.03.08.0069	Tôn Thất Hoàng Quân	Nam	28/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
67	7	22.03.08.0071	Trịnh Thị Hồng Thuý	Nữ	08/02/1998	Tỉnh Đồng Nai	
68	8	22.03.08.0072	Trần Lê Thảo Tiên	Nữ	31/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
69	9	22.03.08.0073	Hoàng Thanh Trang	Nữ	07/03/1998	Tỉnh Tây Ninh	
70	10	22.03.08.0074	Huỳnh Hồng Ý	Nữ	23/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHI KHOA 14					
71	1	22.03.09.0084	Đồng Thị Thuý Dung	Nữ	09/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	2	22.03.09.0085	Huỳnh Hoàng Duy	Nam	11/01/1997	Tỉnh Long An	
73	3	22.03.09.0090	Ngô Thị Thu Hiền	Nữ	14/07/1996	Tỉnh Quảng Bình	
74	4	22.03.09.0095	Nguyễn Minh Hùng	Nam	02/03/1998	Tỉnh Phú Yên	
75	5	22.03.09.0096	Bùi Thị Mai Hương	Nữ	21/11/1997	Tỉnh Quảng Trị	
76	6	22.03.09.0098	Trần Quang Khôi	Nam	01/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	7	22.03.09.0100	Võ Châu Long	Nam	29/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
78	8	22.03.09.0101	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	07/10/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
79	9	22.03.09.0110	Nguyễn Mẫn Nhi	Nữ	16/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
80	10	22.03.09.0112	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	Nữ	06/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
81	11	22.03.09.0121	Hồ Thị Thanh Thảo	Nữ	07/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
82	12	22.03.09.0123	Võ Minh Thắng	Nam	07/05/1998	Tỉnh Long An	
83	13	22.03.09.0125	Nguyễn Tiến Thịnh	Nam	11/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
84	14	22.03.09.0128	Châu Hồng Thương	Nữ	16/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA 15					
85	1	22.03.15.0240	Nguyễn Ngọc Cẩm	Nữ	08/11/1997	Tỉnh Phú Yên	
86	2	22.03.15.0246	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	17/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
87	3	22.03.15.0248	Nguyễn Thị Kim Hà	Nữ	21/12/1998	Tỉnh Đồng Nai	
88	4	22.03.15.0250	Huỳnh Thị Ngọc Hân	Nữ	26/02/1998	Tỉnh Long An	
89	5	22.03.15.0251	Trang Vĩ Hùng	Nam	07/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
90	6	22.03.15.0253	Lưu Bình Bảo Lộc	Nam	17/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
91	7	22.03.15.0257	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	21/08/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
92	8	22.03.15.0259	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	Nữ	10/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
93	9	22.03.15.0260	Trần Thị Kiều Nhi	Nữ	05/10/1998	Tỉnh Đồng Nai	
94	10	22.03.15.0261	Phạm Huỳnh Yến Nhi	Nữ	10/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	11	22.03.15.0266	Trần Kim Phượng	Nữ	20/10/1998	An Giang	
96	12	22.03.15.0268	Trần Đại Thắng	Nam	03/07/1998	Tỉnh Đồng Nai	
97	13	22.03.15.0270	Nguyễn Thị Phương Thuỳ	Nữ	11/02/1997	Tỉnh Đồng Nai	
98	14	22.03.15.0272	Phạm Thị Thương	Nữ	27/10/1998	Tỉnh Quảng Nam	
99	15	22.03.15.0278	Nguyễn Hải Yến	Nữ	19/07/1998	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
		NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG 9					
100	1	22.03.16.0283	Nguyễn Phi Kim Hòa	Nữ	21/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
101	2	22.03.16.0286	Lê Mạnh Hùng	Nam	24/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
102	3	22.03.16.0289	Huỳnh Lê Hoàng Kim	Nữ	09/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
103	4	22.03.16.0290	Trương Thanh Lâm	Nam	16/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
104	5	22.03.16.0295	Ngô Hoàng Phúc	Nam	28/12/1998	Tỉnh Bình Định	
105	6	22.03.16.0297	Lê Thị Anh Thư	Nữ	29/01/1998	Tỉnh Lâm Đồng	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
106	7	22.03.16.0300	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	15/06/1998	Tỉnh Đồng Nai	
107	8	22.03.16.0302	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	23/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
108	9	22.03.16.0304	Bạch Võ Thiên Vân	Nữ	05/03/1997	Tỉnh Bình Thuận	
		NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM					
		6					
109	1	22.03.19.0306	Ngô Tuấn Hoàng	Nam	25/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
110	2	22.03.19.0307	Trần Thị Mai Linh	Nữ	19/04/1998	Tỉnh Gia Lai	
111	3	22.03.19.0310	Lữ Nguyên Phát	Nam	05/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
112	4	22.03.19.0311	Trần Vinh Phong	Nam	17/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
113	5	22.03.19.0313	Hồ Nguyễn Ngọc Phương	Nữ	15/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
114	6	22.03.19.0314	Nguyễn Lê Bảo Trâm	Nữ	30/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: UNG BƯỞU					
		6					
115	1	22.03.20.0317	Lương Trung Hiệp	Nam	28/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
116	2	22.03.20.0318	Lê Bùi An Huy	Nam	02/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
117	3	22.03.20.0319	Đinh Kỳ Nam	Nam	28/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
118	4	22.03.20.0320	Cao Tuyết Nga	Nữ	26/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
119	5	22.03.20.0321	Vũ Gia Nghi	Nữ	23/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
120	6	22.03.20.0323	Đặng Quỳnh Như	Nữ	24/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 120 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp**

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH 2						
1	1	22.04.01.0001	Đinh Sĩ	Bách	Nam	28/04/1993	Tỉnh Bình Thuận	
2	2	22.04.01.0002	Phạm Thị Tường	Minh	Nữ	30/06/1981	Tỉnh Đồng Tháp	
		NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG 11						
3	1	22.04.04.0006	Trần Thị Minh	Hòa	Nữ	19/11/1995	Đắk Nông	
4	2	22.04.04.0008	Trịnh Thị	Lịch	Nữ	06/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
5	3	22.04.04.0012	Nguyễn Bạch Thảo	Nguyên	Nữ	22/01/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
6	4	22.04.04.0013	Võ Đào Mỹ	Nhiên	Nữ	15/08/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	5	22.04.04.0015	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	18/12/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
8	6	22.04.04.0018	Nguyễn Hồng	Thắm	Nữ	21/02/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
9	7	22.04.04.0020	Trần Văn	Thông	Nam	24/10/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
10	8	22.04.04.0021	Lê Thị Lệ	Thu	Nữ	14/06/1983	Tỉnh Lâm Đồng	
11	9	22.04.04.0022	Ngô Thị Thanh	Thúy	Nữ	29/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
12	10	22.04.04.0025	Võ Thị Thanh	Trà	Nữ	03/01/1981	Tỉnh Tây Ninh	
13	11	22.04.04.0026	Ngô Thị	Tú	Nữ	02/04/1995	Tỉnh Bắc Giang	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU 3						
14	1	22.04.24.0161	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	03/09/1996	Tỉnh Đồng Nai	
15	2	22.04.24.0162	Nguyễn Vũ Quang	Lâm	Nam	16/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
16	3	22.04.24.0163	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	15/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - HÓA SINH 2						
17	1	22.04.26.0164	Đỗ Nguyễn Hoàng	Nga	Nữ	25/06/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
18	2	22.04.26.0165	Nguyễn Hưng	Thịnh	Nam	17/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - VI SINH 1						
19	1	22.04.29.0166	Trần Sĩ	Nguyên	Nam	01/01/1992	Tỉnh Tiền Giang	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT 30						

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
20	1	22.04.10.0063	Trương Duy Ngọc	Anh	Nữ	07/01/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
21	2	22.04.10.0064	Nguyễn Nhật	Bách	Nam	05/09/1994	Tỉnh Phú Yên	
22	3	22.04.10.0065	Võ	Cường	Nam	29/04/1993	Tỉnh Quảng Nam	
23	4	22.04.10.0066	Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	28/04/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
24	5	22.04.10.0067	Ngô Phạm Thế	Duy	Nam	22/04/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
25	6	22.04.10.0068	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	09/03/1995	Tỉnh Đồng Nai	
26	7	22.04.10.0069	Trương Quốc	Dũng	Nam	21/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
27	8	22.04.10.0070	Nguyễn Khắc	Đại	Nam	27/10/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
28	9	22.04.10.0072	Trịnh Thị	Hằng	Nữ	19/08/1994	Tỉnh Thanh Hóa	
29	10	22.04.10.0074	Đặng Trịnh Quốc	Khả	Nam	28/10/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
30	11	22.04.10.0075	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	04/04/1985	Tỉnh Hà Nam	
31	12	22.04.10.0076	Nguyễn Trúc	Lâm	Nam	02/02/1997	Tỉnh An Giang	
32	13	22.04.10.0077	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	24/02/1994	Tỉnh Quảng Trị	
33	14	22.04.10.0078	Đặng Phước	Lộc	Nam	02/05/1997	Tỉnh An Giang	
34	15	22.04.10.0079	Nguyễn Phạm Cao	Minh	Nam	08/10/1991	Tỉnh Hậu Giang	
35	16	22.04.10.0081	Hoàng Lê Phương Hồng	Ngọc	Nữ	07/01/1997	Tỉnh Kiên Giang	
36	17	22.04.10.0083	Ngô Như	Ngọc	Nữ	04/04/1995	Tỉnh Bến Tre	
37	18	22.04.10.0084	Đặng Khôi	Nguyên	Nam	20/06/1995	Tỉnh Ninh Thuận	
38	19	22.04.10.0086	Chung Thiện	Nhân	Nam	12/08/1998	Tỉnh Cà Mau	
39	20	22.04.10.0087	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	30/03/1995	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
40	21	22.04.10.0088	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/06/1995	Tỉnh Đồng Nai	
41	22	22.04.10.0090	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Nữ	03/05/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
42	23	22.04.10.0093	Trần Quốc	Thắng	Nam	19/11/1996	Tỉnh Tiền Giang	
43	24	22.04.10.0094	Lê Hữu	Thiện	Nam	27/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
44	25	22.04.10.0095	Võ Duy	Thiện	Nam	20/09/1997	Tỉnh An Giang	
45	26	22.04.10.0096	Lê Huy	Thịnh	Nam	17/03/1996	Tỉnh Kiên Giang	
46	27	22.04.10.0097	Lê Thị Phương	Trâm	Nữ	22/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
47	28	22.04.10.0098	Bùi Minh	Trí	Nam	26/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	29	22.04.10.0099	Huỳnh Thị Ngọc	Vân	Nữ	02/07/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
49	30	22.04.10.0101	Bùi Thị	Xuân	Nữ	28/08/1996	Tỉnh Ninh Bình	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT						
		8						
50	1	22.04.12.0102	Bùi Quốc	Cường	Nam	10/10/1997	Tỉnh Bình Thuận	
51	2	22.04.12.0103	Trần Quang	Duy	Nam	23/08/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
52	3	22.04.12.0104	Trần Thái	Dương	Nam	02/05/1997	Tỉnh Kiên Giang	
53	4	22.04.12.0105	Trần Thái	Hòa	Nam	19/03/1995	Tỉnh Vĩnh Long	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
54	5	22.04.12.0106	Lê Bảo	Huy	Nam	31/12/1987	Tỉnh Tiền Giang	
55	6	22.04.12.0108	Hứa Tuấn	Kiệt	Nam	17/03/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
56	7	22.04.12.0109	Nguyễn Thanh	Quang	Nam	16/08/1992	Tỉnh Phú Yên	
57	8	22.04.12.0110	Hồ Nguyên	Trường	Nam	21/03/1994	Thành phố Đà Nẵng	
		NGÀNH: NHÂN KHOA 13						
58	1	22.04.08.0029	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	23/05/1995	Tỉnh Bình Thuận	
59	2	22.04.08.0030	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	05/04/1990	Thuận Hải	
60	3	22.04.08.0031	Đỗ Ngọc Thảo	Chi	Nữ	24/12/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
61	4	22.04.08.0032	Nguyễn Thế	Duy	Nam	27/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
62	5	22.04.08.0037	Nguyễn Thiệt	Hiền	Nam	12/08/1994	Tỉnh An Giang	
63	6	22.04.08.0038	Trần Trung	Hiếu	Nam	17/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
64	7	22.04.08.0040	Phan Hồng	Phúc	Nữ	03/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
65	8	22.04.08.0041	Đàm Tú	Quyên	Nữ	31/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
66	9	22.04.08.0042	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	14/08/1995	Tỉnh Ninh Thuận	
67	10	22.04.08.0043	Trần Tuấn Duy	Thanh	Nam	22/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
68	11	22.04.08.0044	Trần Võ Thuỳ	Trang	Nữ	27/04/1996	Tỉnh Kiên Giang	
69	12	22.04.08.0045	Trần Thanh	Tuấn	Nam	15/07/1994	Thành phố Cần Thơ	
70	13	22.04.08.0046	Nguyễn Ngọc Huyền	Vy	Nữ	09/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHI KHOA 14						
71	1	22.04.09.0047	Phan Diễm Sương	An	Nữ	16/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	2	22.04.09.0048	Nguyễn Thị Hồng	Bích	Nữ	13/05/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
73	3	22.04.09.0049	Võ Ngọc	Hân	Nữ	05/09/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
74	4	22.04.09.0050	Đỗ Thảo	Huyền	Nữ	23/08/1995	Tỉnh Kon Tum	
75	5	22.04.09.0051	Nguyễn Thị Quý	Khoa	Nữ	07/05/1995	Tỉnh Đồng Nai	
76	6	22.04.09.0052	Phạm Thanh	Liêm	Nam	10/11/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	7	22.04.09.0053	Nguyễn Tùng Đắc	Luân	Nam	13/12/1997	Tỉnh Sóc Trăng	
78	8	22.04.09.0056	Huỳnh Quang	Sáng	Nam	10/11/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
79	9	22.04.09.0057	Lê Quốc	Thắng	Nam	30/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
80	10	22.04.09.0058	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	18/04/1994	Tỉnh Nghệ An	
81	11	22.04.09.0059	Nguyễn Dương	Trang	Nữ	05/10/1991	Tỉnh Tiền Giang	
82	12	22.04.09.0060	Trương Lý Bảo	Trân	Nữ	22/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
83	13	22.04.09.0061	Lê Phạm Minh	Trung	Nam	27/01/1995	Tỉnh Trà Vinh	
84	14	22.04.09.0062	Phạm Tô Tường	Vy	Nữ	15/02/1996	Tỉnh Ninh Thuận	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA 23						
85	1	22.04.15.0111	Nguyễn Hồ Thuỳ	An	Nữ	20/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
86	2	22.04.15.0112	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	Nữ	21/03/1993	Tỉnh An Giang	
87	3	22.04.15.0113	Võ Thị Trâm	Anh	Nữ	18/09/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
88	4	22.04.15.0114	Võ Thị Thúy	Ái	Nữ	12/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
89	5	22.04.15.0115	Đặng Phước	Công	Nam	07/08/1996	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
90	6	22.04.15.0116	Trần	Cương	Nam	15/12/1994	Tỉnh Đồng Nai	
91	7	22.04.15.0118	Trần La	Hoài	Nam	05/03/1995	Tỉnh Bình Thuận	
92	8	22.04.15.0119	Trần Kim	Hoàng	Nam	05/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
93	9	22.04.15.0120	Nguyễn Trang Thảo	Linh	Nữ	18/05/1991	Tỉnh Long An	
94	10	22.04.15.0121	Mạch Ái	Lộc	Nữ	19/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	11	22.04.15.0122	Trần Tài	Năng	Nam	07/04/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	
96	12	22.04.15.0123	Hồ Thị	Ngân	Nữ	20/11/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
97	13	22.04.15.0125	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	26/04/1996	Tỉnh Long An	
98	14	22.04.15.0126	Lê Tấn	Quý	Nam	09/02/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
99	15	22.04.15.0128	Đặng Trần Công	Thành	Nam	27/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	16	22.04.15.0129	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	01/06/1996	Kiên Giang	
101	17	22.04.15.0130	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	08/03/1995	Tỉnh Long An	
102	18	22.04.15.0131	Nguyễn Trí	Thức	Nam	29/11/1982	Tỉnh Đồng Nai	
103	19	22.04.15.0132	Võ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	09/02/1996	Tỉnh Tây Ninh	
104	20	22.04.15.0133	Nguyễn Hoàng Nhật	Tùng	Nam	29/8/1996	Tỉnh Khánh Hòa	
105	21	22.04.15.0134	Lê Xuân Cẩm	Tú	Nữ	05/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
106	22	22.04.15.0135	Đỗ Tường	Vân	Nữ	09/08/1997	Tỉnh Đồng Nai	
107	23	22.04.15.0136	Hồ Đắc	Vượng	Nam	06/06/1996	Tỉnh Gia Lai	
		NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG				6		
108	1	22.04.16.0138	Ngô Minh	Cường	Nam	06/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
109	2	22.04.16.0139	Trương Thanh	Đạt	Nam	02/07/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
110	3	22.04.16.0140	Nguyễn Hà	Đặng	Nam	03/07/1994	Tỉnh Kiên Giang	
111	4	22.04.16.0141	Nguyễn Châu Nhật	Huy	Nam	28/06/1997	Tỉnh Bình Định	
112	5	22.04.16.0142	Lâm Phước	Khải	Nam	08/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
113	6	22.04.16.0143	Nguyễn Duy Quốc	Khánh	Nam	02/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH				3		
114	1	22.04.22.0144	Mai Phương	Dung	Nữ	10/03/1991	Tỉnh Long An	
115	2	22.04.22.0145	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	04/09/1997	Tỉnh Bình Dương	
116	3	22.04.22.0146	Nguyễn Hồ Khánh	Ngọc	Nam	06/01/1997	Tỉnh Tiền Giang	
		NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG				11		
117	1	22.04.23.0148	Vũ Khắc Minh	Đặng	Nam	04/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
118	2	22.04.23.0149	Nguyễn Ngân	Giang	Nữ	26/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
119	3	22.04.23.0150	Dương Thị Thanh	Hiếu	Nữ	25/5/1987	Nghĩa Bình	
120	4	22.04.23.0152	Nguyễn Thị Tài	Linh	Nữ	14/10/1998	Tỉnh Bắc Giang	
121	5	22.04.23.0153	Lê Minh	Nhân	Nam	26/03/1998	Tỉnh Tiền Giang	
122	6	22.04.23.0154	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	10/04/1996	Tỉnh Bình Định	
123	7	22.04.23.0155	Lê Trần Nhật	Thanh	Nữ	20/11/1998	Tỉnh Long An	
124	8	22.04.23.0157	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	04/09/1996	Tỉnh Nam Định	
125	9	22.04.23.0158	Đặng Thị Minh	Trang	Nữ	16/02/1994	Tỉnh Bình Thuận	
126	10	22.04.23.0159	Tô Hà Minh	Triệu	Nữ	09/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
127	11	22.04.23.0160	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	09/01/1997	Tỉnh Bình Định	

Danh sách có 127 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp**